

**Đại Phương Quảng Phật**

**Hoa Nghiêm Kinh**

**Phẩm thứ mười một**

**Tịnh Hạnh Phẩm**

**Phần 51**

**大方廣佛華嚴經**

**(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

***Tập 1563***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ bảy trong phần Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ mười ba:

***(Kinh) Kiến tâm sĩ nhân, đương nguyện chúng sanh, cụ tâm sĩ hạnh, tàng hộ chư căn.***

***(經)見慚恥人。當願眾生。具慚恥行。藏護諸根。***

***(Kinh: Thấy người hổ thẹn, nguyện cho chúng sanh, trọn hạnh hổ thẹn, che giữ các căn).***

Đây cũng là chuyện sẽ gặp trong khi khát thực. Đối với những người này, từ bài kệ thứ bảy cho đến bài kệ thứ mười bốn, tổng cộng là tám bài kệ đều là nói đến người cúng dường. Tâm thái của người cúng dường khác nhau, căn tánh khác nhau, có thể nói là các loại, các hạng người nào cũng có. Khi khát thực mà gặp gỡ [những người ấy], sẽ dẫn phát đại nguyện xứng tánh của Bồ Tát. Gặp gì vậy? Gặp người có lòng hổ thẹn, biết xấu hổ, người như vậy rất khó có. Đây là người tốt. Vì thế, Bồ Tát phát nguyện [chính mình] cũng trọn đủ tâm hổ thẹn, cũng tức là trọn đủ hành vi biết nhục. “Hổ thẹn, biết nhục” sẽ có thể “*hộ chư căn*” (gìn giữ các căn). Hiện thời, xã hội động loạn, tại Trung Hoa, trình độ của học nhân trong ba nhà Nho, Thích, Đạo xác thực là “*đọa lạc ngàn trượng*” như cổ nhân đã nói! Người thật sự tu hành ít ỏi; chẳng phải là không có, mà là đại đa số đều chẳng đúng pháp. Có nghĩa là chẳng có kẻ thật sự y giáo phụng hành. Đây chính là điều mà hai bài kệ, tức bài kệ này và bài kệ kế tiếp muốn nói tới.

Trước hết, chúng tôi giải thích “*tâm quý*” là gì? Trong Bách Pháp Minh Môn Luận có nói hai mươi sáu loại phiền não: Sáu Căn Bản Phiền Não, tám Đại Tùy Phiền Não, hai Trung Tùy Phiền Não, còn có mười Tiểu Tùy Phiền Não. Nói thật ra, Tùy Phiền Não hết sức nghiêm trọng. Đối với hai mươi sáu món phiền

não trong Bách Pháp, Du Già Sư Địa Luận đã nói rộng [các món phiền não], Thiên Thân Bồ Tát quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp trong Du Già Sư Địa Luận thành một trăm pháp. Ngài đơn giản hóa vì đối với người sơ học, [nói theo kiểu ấy] sẽ tiện lợi khá nhiều! Người sơ học mà học nhiều quá, sẽ chẳng dễ dàng khế nhập được! Không chỉ là chẳng dễ khế nhập, mà ngay cả nhớ cũng chẳng nhớ nổi. Đã nhớ không nổi, làm sao quý vị có thể quán tưởng cho nổi? Trong cuộc sống hằng ngày, quá rắc rối, quý vị sẽ chẳng dấy khởi [quán tưởng] được. Vì thế, phải nắm lấy cương lĩnh của hành môn, càng đơn giản càng hay! Tàm và Quý là hai món thuộc Trung Tùy trong Tùy Phiền Não. Trung Tùy gồm có hai món, tức là Tàm và Quý. Tàm (慚) có nghĩa là gì? Chính là cái mà ta nay thường nói là ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, thường tự hỏi lòng có hổ thẹn hay không. Đây là “*cụ túc tàm quý*” (trọn đủ lòng hổ thẹn). Quý (愧) là gì? “*Quý*” là dư luận, tức là sự phê bình từ dư luận bên ngoài. Người Hoa nói Tàm là “*luong tâm*”, tức là đối với chính mình. Quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, bèn tự hỏi chính mình: “*Có xấu hổ đối với lương tâm của chính mình hay không?*” Đương nhiên là bên trong chẳng trái nghịch lương tâm, bên ngoài sẽ tự nhiên chẳng bị dư luận phê bình, chỉ trích, sẽ chẳng có! Vì thế, vào thời cổ, hai điều này chính là thiện hạnh.

Vô Tàm, Vô Quý là phiền não. Đây là Trung Tùy Phiền Não. Chúng ta thường gọi Vô Tàm bằng một thuật ngữ là “*chẳng có lương tâm*”, Vô Quý là chẳng sợ người khác phê bình, chẳng quan tâm lời chỉ trích của kẻ khác, kẻ ấy vẫn cứ làm như thế! Do vậy có thể biết, hai chữ Tàm Quý, [tức là] trọn đủ lòng hổ thẹn đã uốn nắn, quy định hành vi của chính mình. Nhất định phải nghĩ bản thân chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng và tạo tác có đúng pháp hay không? Người Hoa phản tỉnh: [Chính mình] có xứng đáng với cha mẹ hay không? Có thể xứng đáng với tổ tiên hay không? Có xứng đáng với thiên lương của chính mình hay không? Đây là trọn đủ lòng thẹn. Có thể chẳng khiến cho kẻ khác phê bình, chỉ trích ta (chẳng đến nỗi bị dư luận chỉ trích) hay không? Đây là sức mạnh từ bên ngoài ràng buộc chính mình. Khổng Tử biên soạn kinh Xuân Thu, trong kinh Xuân Thu có những lời phê bình. Thiện thì khen ngợi, đối với ác thì những hành vi ác thầy đều viết ra. Viết ra những chuyện ấy để người đương thời và kẻ đời sau trông thấy những lời phê bình ấy, kẻ trọn đủ hổ thẹn sẽ chẳng dám làm chuyện sai quấy, xấu xa. Đó là kinh Xuân Thu dấy lên tác dụng. Xuân Thu là [bộ sử ghi chép những sự kiện] khởi đầu của lịch sử Trung Hoa, dụng ý của nó là ở chỗ này. Nếu [là kẻ] chẳng biết thẹn, vô sỉ, đối với kẻ ấy, kinh Xuân Thu của Khổng Tử chẳng dấy lên tác dụng! Kẻ đó làm chuyện ác, chẳng màng người khác phê bình, chỉ quan tâm dục vọng tham lam của chính mình, chẳng nghĩ đến thứ gì là luân lý hay đạo đức chi cả! Về căn bản, kẻ đó chẳng quan tâm đến những thứ ấy; đây chính là “*vô tàm, vô sỉ*”.

Trong đoạn này, Thanh Lương có chú giải. Chúng ta xem lời chú giải của ngài Thanh Lương:

**(Sớ) Tàng hộ chư căn giả, Du Già danh thiện thủ căn môn.**

(疏)藏護諸根者，瑜伽名善守根門。

(Sớ: “Che giữ các căn”: Luận Du Già gọi [chuyện này] là “khéo giữ căn môn”).

“Du Già” là Du Già Sư Địa Luận. Du Già Sư Địa Luận nói là “*thiện thủ căn môn*”, còn ở đây [kinh Hoa Nghiêm] nói là “*tàng hộ chư căn*”.

(Sớ) *Tịnh Danh vân.*

(疏)淨名云。

(Sớ: Kinh Tịnh Danh nói).

Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cật, kinh nói khá tỉ mỉ!

(Sớ) *Sở kiến sắc dữ manh đẵng, nãi chí vân, tri chư pháp như huyễn tướng thị dã.*

(疏)所見色與盲等，乃至云，知諸法如幻相是也。

(Sớ: “Trông thấy sắc giống như mù” v.v... cho đến nói “nghe, biết các pháp như huyễn tướng” thì chính là [“khéo giữ các căn”] vậy).

Nói kiểu này chúng ta vẫn rất khó hiểu, Thanh Lương đại sư biết rõ; vì thế, sau đó, Ngài lại viết lời chú giải. Chú giải của chú giải thì gọi là Sao. Trong phần Sao đã nói cặn kẽ. Chúng ta hãy xem lời Sao của Ngài:

(Sao) *Du Già danh “thiện thủ căn môn” giả, tức đệ nhị thập tam luận.*

(鈔)瑜伽名善守根門者，即第二十三論。

(Sao: Luận Du Già gọi là ‘khéo giữ căn môn’ tức là [như trong] quyển thứ hai mươi ba [trong bộ luận ấy]).

Du Già Sư Địa Luận gồm một trăm quyển, “*nhị thập tam*” tức là quyển thứ hai mươi ba. Trong quyển hai mươi ba, có một đoạn như thế này:

(Sao) *Vân hà căn luật nghi?*

(鈔)云何根律儀。

(Sao: Luật nghi căn bản là như thế nào?)

“Căn” (根) là căn bản, cũng là “*căn môn*” (根門) đang nói ở đây. “Căn” là gì? Sáu căn. Sáu căn thông nhiếp hết thấy thiện ác. Trong lời chú giải, đại sư đã giải thích:

(Sao) *Vị như hữu nhất năng thiện an trụ, mật hộ căn môn, phòng thủ chánh niệm, nãi chí quảng thuyết. Vân hà danh vi “mật hộ căn môn”? Vị*

*phòng thủ chánh niệm, thường ủy chánh niệm, nãi chí phòng hộ Ý Căn, cập chánh tu hành Ý Căn Luật Nghi đấng.*

(鈔)謂如有一能善安住，密護根門，防守正念，乃至廣說。云何名為密護根門？謂防守正念，常委正念，乃至防護意根，及正修行意根律儀等。

(Sao: Nghĩa là nếu như có người có thể khéo an trụ, gìn giữ căn môn nghiêm ngặt, canh giữ chánh niệm, cho đến nói rộng rãi [như những điều sau đó]. Thế nào là “gìn giữ căn môn nghiêm ngặt”? Chính là canh giữ chánh niệm, thường nương cậy chánh niệm, cho đến gìn giữ, hộ trì Ý Căn và tu hành các luật nghi để gìn giữ cho Ý Căn chánh đáng v.v...)

Đây là một đoạn. Chúng ta xem đoạn này, ý nghĩa cũng rất rõ rệt. Từ ngữ “căn môn” như trong luận Du Già đã nói chính là Ý Căn.

Xác thực là Giới Kinh thường dạy chúng ta, mà trong kinh luận cũng nói hết sức nhiều. Giới kinh bảo “*uớc thân như thừng*” (ràng buộc cái thân như dây). Chúng ta ước thúc hành vi của chính mình (tức sự tạo tác nơi thân thể) giống như bị buộc dây vậy. Dây thừng gồm có mấy mối xoắn với nhau. Nếu quý vị chẳng thắt nút, khi thả lỏng, nó sẽ bung ra. Vì thế, nhất định phải tuân thủ. Đó là “*ràng buộc cái thân*”. “*Thủ khẩu như bình*” (giữ miệng kín như cái bình). Chúng ta biết cái bình bụng to, miệng rất nhỏ, giống như con người vậy. Một người giống như cái bình, “*miệng*” là miệng bình, hãy khéo gìn giữ, chớ tạo khẩu nghiệp. “*Phòng ý như thành*” (Phòng thủ ý niệm giống như phòng thủ thành trì), “*ý*” là gì? Ý là ý niệm. Hãy phòng thủ ý niệm giống như ngăn giữ cửa thành. Giới kinh nói như thế đó! Thủ hộ ba nghiệp, Ý là căn cội. “*Căn môn*” chính là Ý Căn. Ý niệm tốt lành, lời lẽ và hành vi của quý vị nhất định đều là thiện. Ý niệm bất thiện, thân và miệng mới tạo nghiệp. Nói chung, chẳng ngoài Thập Thiện. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật cũng dạy chúng ta như vậy. Lời lẽ tuy biến đổi đôi chút, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng; nhưng đối với thứ tự ấy, kinh Vô Lượng Thọ đã xếp Khẩu vào hàng đầu: “*Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá. Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi. Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*” (Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng gièm chê lỗi lầm của người khác. Khéo giữ thân nghiệp, chẳng đánh mất luật nghi. Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh chẳng nhiễm), có ý nghĩa hoàn toàn giống như những gì luận [Du Già Sư Địa] đã nói.

Đối với một người, [ở đây là nói đến] người chẳng thể tu hành. Bởi lẽ, mọi người trông thấy người xuất gia hoặc đạo sĩ, [thường nghĩ] đó là người tu hành. Nói cách khác, [hễ trông thấy] kẻ chẳng xuất gia, chẳng tu đạo thì [đều cho rằng người ấy] chẳng phải là tu hành. Đây chính là vì chẳng hiểu ý nghĩa bao hàm trong hai chữ Tu Hành. Từ xưa tới nay, chỉ cần là người, sẽ không thể chẳng tu hành. Phải giải thích hai chữ “*tu hành*” như thế nào? “*Hành*” (行) là hành vi, tức là nói đến ba nghiệp thân, miệng, ý; nói đến ba chuyện ấy. “*Hành*” là hành vi. Hành vi nơi thân là động tác, nhất cử nhất động, nói theo Nho gia thì phải “*đúng lẽ*”. Lễ quy định các hành động của chúng ta sao cho hợp lẽ. Đối với ngôn ngữ,

khởi tâm động niệm, các quy định, khuôn phép của lễ giống như giới luật trong nhà Phật. Lễ để làm gì? Tu thân. Tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc [để tu thân] ở trong kinh điển.

Thời cổ, bất luận là ai, có đi học hay không, đều nghe biết đạo lý “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, tu thân được xếp đầu tiên! Sách Đại Học đã nói rất hay: “*Từ thiên tử dĩ chí ư thứ nhân*” (Từ nhà vua cho đến dân thường), trên là từ đế vương cho đến dân chúng tầm thường, “*thứ nhân*” (庶人) là dân chúng bình phàm. “*Nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*” (nhất loạt lấy chuyện tu thân làm gốc). Quý vị nói xem, có cần phải tu hay không? Tu thân, “*thân*” bao gồm ngữ và ý. Nhất loạt lấy chuyện tu thân làm gốc, vậy thì có thể nào chẳng tu hành? Thân thể của chúng ta tạo tác, ngôn ngữ, khởi tâm động niệm, cách nghĩ, cách nhìn sai lầm; sửa đổi những thứ sai lầm ấy thì gọi là “*tu hành*”. Vì thế, đối với chuyện tu hành trong thời đại hiện tại, chẳng thể không bổ sung mấy chữ vì sợ mọi người hiểu lầm: [Tu hành là] “*tu chỉnh hành vi sai lầm*”, mọi người đều hiểu rõ. Cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta sai lầm, đây là hành vi nơi khởi tâm động niệm, là hành vi nơi kiến giải và tư duy, hành vi ấy sai lầm, phải tu chỉnh. Ngôn ngữ và hành vi sai lầm, những thứ nào sai lầm? Nói dối là sai lầm, nói đâm thọc là sai lầm, ăn nói rất thô lỗ là sai lầm, hoa ngôn xảo ngữ lừa gạt kẻ khác là sai lầm, phải sửa chữa! Sửa chữa là tu hành. Khởi tâm động niệm ích kỷ là sai lầm. Tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng là sai lầm. Sân khuê, nổi cáu là sai lầm. Chẳng có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh thì là sai lầm! Hễ có sai lầm, đều phải nên tu chỉnh, đây là tu hành.

Người biết tu hành bèn nắm lấy căn bản. Căn bản là khởi tâm động niệm. Niệm chánh, tâm chánh, tư duy chánh, hết thảy đều chánh. Ở đây nói là “*tàng hộ chư căn*” (che giữ các căn). “*Chư căn*” ở đây là lục căn; lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nhưng “*thiện thủ căn môn*” như trong luận Du Già đã nói có cùng một ý nghĩa với những điều kinh này đã dạy. “*Căn môn*” được nói trong bộ Luận ấy cũng là sáu căn. Lời chú giải đã giảng giải khá cặn kẽ. Vì thế, chúng ta phải biết “*thiện hộ chư căn*” (khéo bảo vệ các căn) cậy vào đâu? Phải cậy vào lòng hổ thẹn, phải biết nhục!

Có một năm, tôi giảng kinh ở Hưu Sĩ Đồn (Houston), Hoa Kỳ, gặp giáo sư Thái, tức con trai của lão cư sĩ Thái Niệm Sanh. Thuở ấy, Thái lão cư sĩ cũng sống tại Đài Trung, chúng tôi thường gặp gỡ. Khi đó, con trai cụ du học tại Mỹ. Khi tôi giảng kinh tại Mỹ, anh ta đã dạy học tại Mỹ. Có một hôm, chúng tôi dùng cơm với nhau, anh ta bảo tôi: “Hiện thời, xã hội động loạn, bại hoại, nhân tố chung là do chẳng biết nhục”. Tôi nghe anh ta nói lời ấy, rất tán thành. Đúng thế! Chẳng biết nhục, chẳng biết thẹn vì sĩ nhục. Người đời thường nói chẳng cần mặt mũi là “*bất tri sĩ*”. Kẻ đó chuyện xấu gì cũng đều làm được, chẳng có lòng hổ thẹn. Vì vậy, thuở ấy, anh ta nói với tôi: “Chúng ta phải thành lập Tri Sĩ Học Xã. Chúng ta đề xướng phong trào này, hoàn toàn dùng sự biết sĩ nhục, biết hổ thẹn để cứu vãn lòng người”. Tôi nói: “Được lắm! Hoạt động này đáng tán thán, hãy nên phát huy rộng rãi”.

Chuyện này không chỉ là người Hoa, mà là người trên cả thế giới [đều như vậy], ai nấy đều có lương tâm. Quý vị xem Tam Tự Kinh mở đầu bằng câu: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, bản tánh vốn lành. Nói theo Phật pháp, bản tánh trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, thuần tịnh, thuần thiện. Trong bản tánh, chẳng có tất cả hết thấy những thứ bất thiện. Do đâu mà có bất thiện? Bất thiện là vì đã mê mất bản tánh. Mê mất bản tánh, nếu chúng ta hỏi có phải là chẳng biết nhục hay chẳng? Đúng thế! Ý nghĩa này rất sâu, rất rộng. Từ ý nghĩa sâu rộng này, [hãy nghĩ xem], người nào biết hổ thẹn? Người nào trọn đủ lòng hổ thẹn? Từ A La Hán trở lên, vượt thoát lục đạo luân hồi, nói thật đấy! Bất luận chúng ta tốt đẹp như thế nào đi nữa, quý vị vẫn ở trong lục đạo, lẽ nào có thể chẳng có lỗi với lương tâm của chính mình ư? Lẽ nào quý vị có thể chẳng có lỗi với bản thiện của chính mình? Bản tánh của quý vị vốn lành, có sao lại phải vào lục đạo để luân hồi? Vì thế, nói nghiêm ngặt, từ A La Hán trở lên mới coi như là trọn đủ hổ thẹn, thật sự biết nhục! Người đọa lạc trong lục đạo là đáng sỉ nhục, vì sao? Quý vị vốn đã thành Phật, có sao biến thành nông nổi này? Vốn trọn đủ lòng hổ thẹn, hổ thẹn là Tánh Đức, biết nhục là Tánh Đức.

Quý vị thấy trong Bát Đức của Trung Hoa, tức “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ*”. Tám đức mục ấy là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*”. Trong truyền thống Trung Hoa, tám đức mục ấy có hai cách nói. Tôi vừa mới nói theo cách thứ nhất. Sau đây, còn có một cách nói nữa là “*trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình*”. Hai cách nói! [So sánh giữa] hai cách nói ấy, có bốn chữ trùng lặp. Bỏ bốn chữ trùng lặp đi, sẽ là mười hai chữ, điều này rất viên mãn. Đối với mười hai chữ ấy, ở rất nhiều nơi, hiện thời, chúng tôi đều nói mười hai chữ. “*Mười hai*” cũng là viên mãn, một năm có mười hai tháng, một ngày có mười hai giờ. Trung Hoa dùng con số mười hai. Tý, Sửu, Dần, Mão... là mười hai giờ. Trong thân thể con người, có mười hai kinh mạch<sup>1</sup> trọng yếu nhất. Vì thế, “mười hai” là một con số viên mãn. Chúng ta nói mười hai đức mục rất viên mãn, tức là “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình*”, hết sức viên mãn. Đây là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Vì sao nay chẳng có? Chẳng có thì là điều sỉ nhục! Có sao chẳng có? Đức Phật dạy: “*Đã mê mất tự tánh*”.

Người biết nhục, cổ nhân đã nói rất hay: “*Tri sỉ cận hồ dũng*” (Biết nhục thì gần như là dũng cảm). Vì sao một người có thể dũng mãnh, tinh tấn, phát phần, gắng hết sức, sức mạnh ấy do đâu mà có? Sức mạnh ấy chẳng ngoài việc biết nhục. Sức mạnh ấy thúc đẩy kẻ đó, nói theo Phật pháp, sẽ là “*động lực tinh tấn*”.

---

<sup>1</sup> Theo Trung Y, thân thể con người có mười hai đường kinh mạch chính (đúng ra là kinh mạch và lạc mạch). Mười hai đường ấy giống như mười hai “đại lộ” để khí huyết vận hành trong thân thể con người. Để dễ nhớ, có câu “thiệu” như sau: “*Thủ tam âm, thủ tam dương, túc tam dương, túc tam âm*” (Tay ba đường dương, tay ba đường âm, chân ba đường dương, chân ba đường âm). Nói cụ thể sẽ là Thủ Thái Âm Phế Kinh, Thủ Thiếu Âm Tâm Kinh, Thủ Quyết Âm Tâm Bao Kinh, Thủ Dương Minh Đại Trường Kinh, Thủ Thái Dương Tiểu Trường Kinh, Thủ Thiếu Dương Tam Tiêu Kinh, Túc Thái Âm Tỳ Kinh, Túc Thiếu Âm Thận Kinh, Túc Quyết Âm Can Kinh, Túc Dương Minh Vị Kinh, Túc Thái Dương Bàng Quang Kinh, Túc Thiếu Dương Đâm Kinh.

Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một món là tinh tấn. Thiện căn thế gian có ba món, vô tham, vô sân, vô si là “*ba thiện căn*”. Căn cội của hết thảy các thiện pháp trong thế gian là không tham, không sân, không si. Sự tu hành trong Phật pháp đương nhiên là phải trọn đủ ba thiện căn thế gian. Chẳng có ba thiện căn thế gian, sẽ chẳng thể tu hành; nhất định phải trọn đủ những điều ấy! Trong ba thiện căn, còn có một thiện căn đặc thù: Tinh tấn chẳng lười nhác. Tinh tấn khiến cho một người từ Sơ Phát Tâm đạt tới địa vị Như Lai. Sau khi đã thành Phật, có nghỉ ngơi hay chẳng? Chẳng nghỉ ngơi, vẫn y như cũ, dững mãi tinh tấn ứng hóa trong mười pháp giới. Vì sao? Phổ độ chúng sanh. Cho đến khi ấy, quan niệm của người ấy lại khác hẳn: Trông thấy một chúng sanh còn chưa giác ngộ, còn chưa thành Phật, bèn cảm thấy “đó là nỗi sỉ nhục của ta”. Điều này cũng rất khó hiểu, đây là đạo lý gì vậy?

Người đã kiến tánh chẳng giống kẻ chưa kiến tánh! Kẻ chưa kiến tánh đang mê, chẳng biết chân tướng của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Do đó, tư duy của kẻ ấy hạn cuộc, chẳng viên mãn. Sau khi đã kiến tánh, biết chân tướng của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Chân tướng là gì? Là một Thể. Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí*”, “*mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Điều này chẳng dễ hiểu! Tôi thường nêu tỷ dụ. Chúng ta sánh ví toàn thể vũ trụ như thân người, mười pháp giới ví như các khí quan khác nhau của chúng ta. Hết thảy chúng sanh ví như những tế bào cấu tạo của các khí quan trên thân chúng ta. Bất cứ một tế bào nào trên thân chúng ta xuất hiện bệnh tật, chúng ta đều mong chữa lành. Nếu chẳng trị lành, lẽ nào ta chẳng có lỗi với nó? Từ tỷ dụ này, quý vị hãy chú tâm lãnh hội, sẽ hiểu cách quan sát của Phật, Bồ Tát chẳng giống chúng ta. Một chúng sanh chưa thành Phật, Tánh Đức chẳng viên mãn. Tánh Đức chẳng viên mãn là điều sỉ nhục. Sau đây, quý vị mới hiểu vì sao chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, các Ngài bèn ứng, thật sự khiến cho chúng ta cảm thấy các Ngài chẳng nề hà vất vả, chẳng ngại nhọc nhằn, nơi nào có cầu, bèn ứng nơi ấy. Không chỉ là trên quả địa cầu này, mà là đối với vô lượng vô biên chúng sanh trong vô lượng vô biên thế giới giữa vũ trụ, hễ chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ có ứng.

Chẳng khó lãnh hội chuyện cảm ứng này! Chư vị đồng học có thể hơi khế nhập kinh giáo Đại Thừa đôi chút, chẳng cần nhiều; nếu chúng ta dùng tỷ lệ phần trăm để nói, quý vị thật sự có thể khế nhập một phần, hai phần, [tức là] một, hai phần trăm, quý vị sẽ có thể thấy rất rõ ràng! Thấy rõ ràng bằng cách nào? Quý vị có thể thấy chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, ngay trong lúc này, chỗ này, sẽ bị quý vị nhìn thấy, bị quý vị phát giác. Quý vị vẫn chẳng nhìn ra, nói cách khác, [chính là] ngay cả một phần, quý vị vẫn chẳng khế nhập! Hễ khế nhập một, hai phần thì sẽ nhìn ra. Ở chỗ nào? Đúng là không nơi nào, không lúc nào chẳng tồn tại! Chúng ta là những học nhân mới học Phật, là những học nhân mới phát tâm, cái tâm cảm ơn sẽ tràn trề nảy sanh, cái tâm biết nhục, cái tâm hổ thẹn đương nhiên cũng sanh khởi. Do vậy, mới thật sự hiểu ta phải nên y giáo tu hành, cảm kích ân đức của Phật, Bồ Tát, cảm kích ân đức của thầy, cảm kích ân đức của hết

thầy thiện hữu. Đó gọi là “trên đèn bốn ân trọng, dưới cứu khổ tam đồ”. Ai sai quý vị làm? Chẳng cần ai sai khiến. Ai đốc thúc quý vị? Chẳng cần ai đốc thúc! Quý vị sẽ tự động, tự phát đạt được pháp hỷ sung mãn. Nói theo kiểu của người bình phàm trong hiện thời, từ chỗ này, quý vị đạt được tin tức từ những chiều không gian khác nhau, đạt được khá nhiều năng lượng. Đây là thuật ngữ nơi của miệng của những kẻ bình phàm trong hiện thời. Nói theo thuật ngữ Phật pháp, [sẽ là] “*được chư Phật, Bồ Tát gia trì*”. Chúng ta nói là “*gia trì*”, còn người hiện thời nói là “*năng lượng, tin tức*”.

Do đó, nếu quý vị lãnh hội, sẽ hiểu rõ: Những gì khoa học, triết học và tôn giáo đã nói so với những gì đức Phật và các vị thánh hiền đã nói thì thuật ngữ hết sức bất đồng, nhưng cùng là một chuyện, có cùng một ý nghĩa. Đây là gì? Đây là thông, là xuyên suốt. Quý vị mới có thể lãnh hội câu nói trong Luận Ngữ: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư? Có bạn từ nơi xa đến, cũng chẳng vui ư?) Quý vị mới thật sự thấu hiểu! Chẳng khế nhập, sẽ chẳng thấu hiểu! Như thế nào thì chúng ta mới có thể khế nhập? Phiền não nhẹ nhàng. Tôi chẳng nói “*đoạn*”! Phiền não nhẹ nhàng, sẽ có thể khế nhập chút phần, tức một, hai phần. Nếu khế nhập năm, sáu phần thì phải đoạn một ít phiền não.

“*Đoạn*” ở đây có [hai loại là] chuyển biến và chế phục phiền não. Chế phục phiền não thì chúng ta có thể làm được, còn “*đoạn*” bằng cách chuyển biến, khó lắm! Đúng là chẳng dễ dàng! Nếu là chuyển, thừa cùng chư vị, vì sao tôi nói là “*chuyển*”? Phiền não và Bồ Đề là một Thể; khi mê thì gọi là “*phiền não*”, lúc ngộ thì gọi là Bồ Đề. Nếu quý vị nói “*đoạn phiền não*”, vậy thì Bồ Đề cũng đoạn, há có lẽ ấy! Do đó, chư vị phải hiểu, trong Phật môn thường nói “*đoạn phiền não*”, thật ra là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”. Chẳng có phiền não, thật sự đã đoạn phiền não, phiền não đã biến thành Bồ Đề. Vì thế, có lẽ chư vị cũng thường nghe trong Phật môn có nói “*phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng*” chính là đạo lý này. Đây là một đấng sáng, một đấng tối. Sáng tới, tối chẳng còn! Tối tới, sáng chẳng còn. Tiêu trừ và tăng trưởng lẫn nhau, có ý nghĩa như vậy đó. Vì sao? Thể của nó là tự tánh, tự tánh chẳng có sanh diệt, chỉ là mê hay ngộ khác nhau! Do vậy, phải hiểu thật sự là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”.

Quý vị thấy trong giới kinh, chuyển xan tham (xan tham là phiền não) thành bố thí. Bố thí là Tánh Đức. Một người chẳng keo tham, sẽ hết sức khảng khái, hào phóng, vui thích bố thí. Chuyên ác nghiệp thành trì giới, chuyên sân khúe thành nhẫn nhục. Chúng ta dùng Lục Ba La Mật để nói, nói đến Lục Độ thì Lục Độ do đâu mà có? Do chuyển phiền não biến hiện ra. Vì thế, thông thường chúng ta nghe pháp sư giảng kinh, [thường nói] “*bố thí độ xan tham, trì giới độ ác nghiệp, nhẫn nhục độ sân khúe, tinh tấn độ giải đãi, Thiền Định độ tán loạn, Bát Nhã độ ngu si*”. Đây lại là nói quy nạp vô lượng vô biên phiền não thành sáu loại lớn, càng đơn giản. Bách Pháp Minh Môn có hai mươi sáu [món phiền não], ở đây chỉ có sáu món! Cương lĩnh tu học của Bồ Tát càng được đơn giản hóa hơn, chỉ có sáu điều. Quý vị chuyển chúng nó bằng cách nào? Hễ chuyển thì là giác, chẳng chuyển thì là mê.



Thời cổ, các bậc đại đức trong Tông Môn và Giáo Hạ thường nhắc nhở chúng ta: Tu hành thì quan trọng nhất là phải nâng cao giác tánh, thời thời khắc khắc đều có thể cảnh giác. Đó gọi là “*chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, “*niệm*” là mê! Hễ tỉnh giác, mê chẳng còn nữa! Dùng phương pháp gì? Phương pháp rất nhiều, chính là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, điều quan trọng nhất, quy nạp lại thành những điều trọng yếu nhất, thì là Giới, Định, Huệ. Trong Giới, Định, Huệ, quan trọng nhất là Định và Huệ. Giới là phương tiện nhằm dạy kẻ mới học. Kẻ mới học chẳng có Định, chẳng có Huệ, làm như thế nào? Dạy họ trì giới. Trì giới là gì? Trước hết, ước thúc người ấy, dùng giới luật ước thúc người ấy. Dần dần từ ước thúc, cái tâm người ấy đắc Định. Đó gọi là “*do Giới đắc Định, do Định khai Huệ*”. Do vậy có thể biết, trì giới nhằm mục đích đắc Định, phải hiểu điều này! Trì giới luật rất nghiêm mà chẳng đắc Định, giới ấy có hữu dụng hay chẳng? Vô dụng! Chẳng thể minh tâm kiến tánh, nhưng người trì giới luật rất nghiêm ngặt sẽ chẳng đọa vào ác đạo. Thật vậy, người ấy chẳng lìa khỏi Dục Giới; trong tam giới, chẳng lìa khỏi Dục Giới. Vì người ấy phải có Định thì mới có thể lên đến Sắc Giới. Do người ấy chẳng có Định, chẳng đến Sắc Giới được. Vì thế, quả báo do trì giới là trong trời, người, trong thiên giới thì chỉ giới hạn trong Dục Giới Thiên. Chư vị chớ nên không biết điều này! Dầu trì giới luật tốt đẹp đến mấy đi nữa, chẳng thoát khỏi Dục Giới.

Nếu phá giới, chẳng trì giới, quả báo là trong tam đồ, đây thật sự là nổi si nhục to tát! Vì thế, người trọn đủ hồ thẹn, biết si nhục, tức người biết nhục, nay chúng ta nói người ấy chắc chắn chẳng tạo ác nghiệp. Vì sao? Tạo ác nghiệp, sẽ cảm thấy hồ thẹn. Thân người mà nếu đời sau sanh vào ba ác đạo, quý vị nói xem, có phải là si nhục hay không? Làm người thì nổi si nhục lớn nhất không gì hơn [chuyện này], chớ nên không biết! Đã biết, hành vi của người ấy nhất định đúng khuôn khổ, nói theo Nho gia là “*thủ lễ*” (守禮, giữ đúng lễ), học Phật thì nhất định sẽ trì giới, chẳng đọa vào ác đạo. Kẻ ấy vẫn chưa hiểu “không thoát khỏi ác đạo là đại si nhục”, vẫn chưa phát hiện điều này. Sau khi kẻ ấy đã phát hiện, nhất định sẽ nâng cao linh tánh của chính mình trên một mức độ rộng lớn ngay trong đời này, sẽ “*tàng hộ chư căn*” (che giữ các căn).

Nói theo Tịnh Độ, “*tàng hộ chư căn*” là “*nhiep trọn sáu căn*” như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy, có cùng một ý nghĩa với “*nhiep trọn sáu căn*”. Điều này dễ hiểu! Nếu đời này, người niệm Phật chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; đó là nổi hồ thẹn thật sự, là nổi si nhục thật sự! Chúng ta chớ nên không biết, chớ nên không nhận biết rõ ràng! Hy vọng sẽ có thành tựu ngay trong đời này, chắc chắn có thành tựu, có thành tựu quyết định, có thể làm được hay không? Chỉ cần quý vị chịu làm, chẳng có một ai không làm được. Do đó, pháp môn này xác thực là “*vạn người tu, vạn người đến*” như Thiện Đạo đại sư đã nói. Tu học đúng lý, đúng pháp, chẳng có ai không thành tựu! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói bài kệ này đến đây!

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem bài kệ kế tiếp, tức bài kệ thứ mười bốn:

**(Kinh) Kiến vô tàmsỉ, đương nguyện chúng sanh, xả ly vô tàmsỉ, trụ đại từ đạo.**

**(經)見無慚恥。當願眾生。捨離無慚。住大慈道。**

**(Kinh: Thấy chẳng hổ thẹn, nguyện cho chúng sanh, là bỏ chẳng thẹn, trụ đạo đại từ).**

Đây là tương phản với phần trước. Trai chủ cúng trai, hoặc là [người khát thực] thấy người nhà của kẻ ấy chẳng có tâm hổ thẹn, chẳng biết nhục. Trông thấy kẻ như vậy bèn dẫn phát đại nguyện, “xả ly vô tàmsỉ, trụ đại từ đạo” (bỏ là chẳng thẹn, trụ đạo đại từ). Trước khi giảng bài kệ này, trong phần sau của bài kệ trước, tức là trong lời Sao của Thanh Lương đại sư có một đoạn văn mà chúng tôi sẽ đọc ra đây, tức là phân trích dẫn từ kinh Tịnh Danh:

**(Sao) Tịnh Danh vân, sở kiến sắc đẳng giả, tức Ca Diếp chương, linh Ca Diếp dĩ không tự tướng nhập ư tự lạc. Sở kiến sắc dữ manh đẳng, sở văn thanh dữ hương đẳng, sở khứu hương dữ phong đẳng, sở thực vị bất phân biệt, thọ chư xúc như trí chứng, tri chư pháp như huyễn tướng, vô tự tánh, vô tha tánh, bản tự bất nhiên, kim tác vô diệt đẳng.**

**(鈔)淨名云，所見色等者，即迦葉章，令迦葉以空聚想入於聚落。所見色與盲等，所聞聲與響等，所嗅香與風等，所食味不分別，受諸觸如智證，知諸法如幻相，無自性，無他性，本自不然，今則無滅等。**

**(Sao: “Kinh Tịnh Danh nói trông thấy sắc v.v...” chính là như trong chương Ca Diếp<sup>2</sup>, [ngài Duy Ma Cật] bảo ngài Ca Diếp vào tự lạc hãy trông như vào trong xóm trống. Thấy sắc mà giống như mù, nghe tiếng mà như nghe tiếng vọng, ngửi hương giống như gió thoảng, nếm vị mà chẳng phân biệt, tiếp nhận các xúc như trí chứng, biết các pháp như huyễn tướng, chẳng có tự tánh, chẳng có tha tánh, vốn chẳng phải là như thế, nay giống như chẳng diệt vậy).**

Đến chỗ này là một đoạn, đây là trích dẫn lời giảng từ kinh Tịnh Danh. Tiếp đó, [giảng giải] về điều đã nói trong bộ kinh này (kinh Hoa Nghiêm).

**(Sao) Thị cố, tàng hộ chư căn, tác bất phạm trần cảnh, thành lục tự tại vương, khởi vi lục tặc sở kiếp đoạt da?**

**(鈔)是故藏護諸根，則不犯塵境，成六自在王，豈為六賊所劫奪耶**

。

---

<sup>2</sup> Chương Ca Diếp nói ở đây là một đoạn trong phẩm Đệ Tử của kinh Duy Ma Cật. Lúc bấy giờ, trưởng giả Duy Ma Cật thị hiện bị bệnh, đức Thế Tôn sai các đệ tử đến thăm bệnh. Các vị đại đệ tử đều từ chối với lý do không thể biện luận hơn trưởng giả Duy Ma Cật được. Chương Ca Diếp chính là đoạn kinh chép lời chối từ của ngài Đại Ca Diếp. Theo đó, ngài Ca Diếp vào xóm khát thực nơi người nghèo. Trưởng giả Duy Ma quả ngài Ca Diếp chẳng có tâm bình đẳng. Đồng thời dạy ngài Ca Diếp cách quán tưởng và ý nghĩa chân thật của việc khát thực.

*(Sao: Vì thế, che giữ các căn thì sẽ chẳng phạm các trần cảnh, [sáu thức] trở thành sáu vị vua tự tại, há bị sáu tên giặc (sáu trần cảnh) cướp đoạt ư?)*

Ý nghĩa chung là “sáu căn chẳng nhiễm trần cảnh, sáu căn đạt đến giải thoát từ ngay trong sáu trần”. Đó gọi là “*đạt được sáu món tự tại*”. Căn giải thoát từ nơi Sắc: Nhãn Căn giải thoát từ Sắc Trần, Nhĩ Căn giải thoát từ nơi Thanh Trần, Tỵ Căn giải thoát từ nơi Hương Trần, Thiệt Căn giải thoát từ nơi Vị Trần. Dùng ý nghĩa này!

Giải thoát bằng cách nào? Chẳng phân biệt, không chấp trước, sẽ giải thoát. Nếu quý vị phân biệt, chấp trước, sẽ sanh phiền não, ý thức của quý vị đã bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, vậy thì sẽ rất đau khổ. Nếu quý vị thấy thấu suốt “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng, hết thấy các pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng*”; do vậy, chỉ cần phân biệt, chấp trước dấy lên, quý vị hãy nghĩ đến tổng cương lĩnh của kinh Bát Nhã. Sau khi chúng tôi đọc sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã đã tổng kết; lời tổng kết của tôi rất đơn giản: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Quý vị còn dấy lên phân biệt, chấp trước ư? Phân biệt, chấp trước cũng chẳng thể được, cũng là vô sở hữu, rốt ráo không, tâm quý vị mới định. Định sanh ra Huệ, đây mới thật sự là “*sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần*”. “*Tàng hộ chư căn*” (Che giữ các căn) là “*sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần*”. Đây là ý nghĩa của đoạn trước. Vì thế, Phật pháp thù thắng, đã dạy chúng ta phương pháp xảo diệu nhất (đây chính là “*phương tiện thiện xảo*” như nhà Phật đã nói), vấn đề là chúng ta phải có thể thật sự nhận biết, tức là quý vị phải nhận biết, phải hiểu rõ, nhất định phải thực hiện trong cuộc sống!

Tu hành quyết định chẳng lìa cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói hay lắm: Thành Phật cũng thế, đọa tam đồ cũng thế, thấy đều là do lục căn. Sử dụng lục căn chánh đáng, sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Chẳng dùng lục căn chánh đáng thì là mê; dùng chẳng chánh đáng, sẽ là tam đồ. Vì thế, nói chung, chẳng lìa khỏi lục căn. Chúng ta đã hiểu đạo lý này; do vậy, lục căn đối trước sáu cảnh, sẽ biết tu hành, quyết định chẳng mê, quyết định chẳng tà, quyết định chẳng nhiễm, quý vị đã nắm được tổng nguyên tắc tu hành. Tổng nguyên tắc là Tam Tự Quy, “*tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng*”. Phật là giác chứ không mê, Pháp là chánh chứ không tà, Tăng là tịnh chứ chẳng nhiễm. Do vậy, Tam Tự Quy là giác, chánh, tịnh. “*Phiên tà*” (翻邪, lật ngược tà), “*tà*” là tương phản với “*giác, chánh, tịnh*”. Tương phản của chúng sẽ là “*mê, tà, nhiễm*”. Chúng ta phải chuyển biến “*mê, tà, nhiễm*” thành “*giác, chánh, tịnh*”. Đó gọi là “*phiên tà*”, đảo ngược lại! Vào lúc nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, ngay nơi khởi tâm động niệm khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, quý vị phải biết “*lật ngược*” lại! Khởi tâm động niệm là dấy lên những tâm gì? Dấy lên tâm tham ái, dấy lên tâm ích kỷ, dấy lên tâm tự lợi, đây là mê, là tà, là nhiễm, tức là “*mê, tà, nhiễm*”. Dấy lên cái tâm ấy, quý vị lập tức nghĩ đến “*giác, chánh, tịnh*”. Chẳng dấy nổi “*giác, chánh, tịnh*” thì người niệm Phật có một phương pháp tốt đẹp: Lập tức đề khởi A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật có nghĩa là gì? Phải hiểu điều này. Danh hiệu này là tiếng Phạn, xét theo ý nghĩa, A dịch sang tiếng Hán là Vô, Di Đà dịch sang tiếng Hán là Lượng. [A Di Đà là] Vô Lượng. “*Phật*” dịch sang tiếng Hán là Trí hoặc Giác. [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác. Nam-mô có nghĩa là Quy Y. Ta phải quy y vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ để giần ép vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị. Niệm lâu ngày, nó sẽ sanh ra sức mạnh. Chỉ cần ý niệm vừa mới dấy lên, thiện niệm là ba thiện đạo, ác niệm là ba ác đạo, bất luận thiện niệm hay ác niệm, thấy đều chế phục, quý vị sẽ lìa khỏi lục đạo, nhất tâm hướng tới thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Đây là đường tắt để vượt thoát lục đạo luân hồi.

Nay chúng ta ở trong thế gian này, thứ nhất là chẳng tham luyện thân thể. Cội nguồn của tất cả hết thảy tội ác, kinh Bát Đại Nhân Giác đã nói rất hay, “*hình vi tội tâu*” (thân là rừng tội). Tất cả hết thảy những lỗi lầm đều là do tham luyện cái thân này mà ra! Quý vị hãy ngắm xem, có đúng hay chẳng? Tham tài là vì tâm thân này, tham sắc cũng là vì thân này, ăn ngon vì cái lưỡi, thích thoải mái một chút, đều là vì cái thân này! Thân này là cội nguồn tạo tác hết thảy tội ác; do vậy, điều thứ nhất Phật pháp dạy quý vị là hãy phá Thân Kiến. Kinh Kim Cang lưu hành nhất, phổ biến nhất tại Trung Hoa, gần như là khoa mục bắt buộc phải học trong việc học Phật, có lý lắm! Vì sao? Phá những chấp trước này. Đức Phật dạy Bồ Tát, dạy người tu hành: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, trước hết là từ “*vô ngã tướng*”. Thực hiện vô ngã tướng từ chỗ nào? Chẳng ích kỷ, chẳng tự lợi, thực hiện từ chỗ này! Tôi thường khuyên lon, khích lệ các đồng học, hãy buông xuống ích kỷ. Đây là tu vô ngã tướng. Hãy buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục, lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn, chúng ta thực hiện từ chỗ này, [có như vậy thì] bốn câu ấy trong kinh Kim Cang mới có thể thực hiện. Đã thực hiện bốn câu ấy, thừa cùng chư vị, tối thiểu là quả Tu Đà Hoàn, là thánh nhân, siêu phàm nhập thánh. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giác; đó là bậc đương cơ của Hoa Nghiêm. Quý vị chẳng làm từ chỗ này, sẽ chẳng có cách nào cả!

Do đó, tôi thường nói, đức Phật dạy chúng ta, đối với những thứ ấy, hãy tùy duyên, đừng phan duyên. Nhất là đối với cuộc sống vật chất, phải hiểu đạo lý này, quý vị mới chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, quý vị sẽ có thể chuyển cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói hay lắm: “*Nếu có thể chuyển cảnh*”, kinh nói là “*chuyển vật*”, tôi thường nói là “*cảnh giới*”, “*ắt giống như Như Lai*”. “*Như Lai*” ở đây [phải hiểu là] hàng Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên đều gọi là Như Lai. Vì thế, [phải hiểu] Như Lai được nói trong kinh Hoa Nghiêm chính là “*bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều là Như Lai, đều là chân Phật, chẳng giả*”. Địa vị tương tự là tứ thánh pháp giới. [Các địa vị Pháp Thân đại sĩ trong] Nhất Chân pháp giới đều là địa vị Phần Chứng. Vì sao gọi là Phần Chứng? Vì các Ngài chẳng đoạn tập khí. Chúng tôi cũng đã thừa trình điều này bao nhiêu lần, tập khí có trở ngại Sự hay không? Chẳng trở ngại Sự! Đối với họ, sẽ cảm ứng đạo giao với hết thảy chúng sanh trong mười

pháp giới chẳng ngăn ngại tí nào! Đáng nên dùng thân Phật để độ, họ có thể thị hiện tám tướng thành đạo, hiện thân Phật để hóa độ chúng sanh. Sơ Trụ Bồ Tát, luận định về tác dụng và đức dụng, sẽ chẳng khác biệt vị Phật rốt ráo viên mãn. Khác biệt ở chỗ nào vậy? Ngài còn đèo theo tập khí, còn vị Phật rốt ráo viên mãn không đèo theo tập khí. Đạo lý này, trong phần trước, chúng tôi đã thừa trình căn kẽ cùng quý vị. Vì thế, chúng ta phải biết thực hiện từ chỗ nào. Chỗ để thực hiện là trong cuộc sống vật chất, quyết định chẳng có mảy may tham luyến! Hễ có [thứ chi đó] thì được lắm, rất thuận tiện. Chẳng có thì cũng thế, bớt việc! Tâm thái như vậy, quý vị nói xem, quý vị vui sướng lắm chứ, tự tại lắm chứ! Quý vị chẳng bị những thứ hư huyền ấy vướng bận để rời sanh khởi phiền não. [Nếu nghĩ như vậy] thì sai mất rồi! Có hay không có đều chẳng sao cả; sau đấy, quý vị sẽ phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Trí huệ mới là trọng yếu.

Trí huệ đã hiện tiền, đối với người học Phật chúng ta, nhất là những ai nghiên cứu kinh giáo, những người giảng kinh, đương nhiên quan trọng nhất là kinh điển, có cần kinh điển hay chẳng? Cần thiết hay không? Có thể không cần, [tức là trong trường hợp] trí huệ đã khai thì chẳng cần. Vì sao biết là có thể không cần? Quý vị hãy nghĩ xem, Đản Kinh đã chép Lục Tổ Huệ Năng đại sư có cần kinh điển hay không, quý vị sẽ hiểu ngay! Lại nói, Ngài không biết chữ, chưa từng đi học, Ngài cần kinh điển để làm gì? Ngài cần trí huệ, Ngài cần minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh thì sách vở chẳng cần thiết. Có sách vở nhưng chẳng kiến tánh, chẳng minh tâm. Vì sao? Pháp Chấp. Chấp trước có hai loại là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Vì thế, kinh Kim Cang dạy: “*Pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp*”, chớ nên chấp trước. Do vậy, kinh điển dùng để làm gì? Tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Để tiếp dẫn kẻ sơ cơ, kinh điển hết sức hữu dụng! Giống như chúng ta là bọn học trò Tiểu Học, đối với Tiểu Học, sách giáo khoa có quan trọng hay không? Quan trọng! Dùng sách ấy để dạy chúng nó. Nếu chúng nó lên Trung Học, những thứ ấy còn hữu dụng hay không? Vô dụng! Chúng nó học Trung Học, những giáo khoa Tiểu Học đều chẳng cần nữa! Chúng ta chẳng bằng chúng nó (những đứa học trò ấy), chúng ta lên Trung Học, vẫn không chịu bỏ sách giáo khoa Tiểu Học. Lên Đại Học, sách giáo khoa Trung Học cũng chẳng chịu bỏ đi, vậy là hỏng bét! Trí huệ chẳng khai được! Ôm khư khư sách giáo khoa Tiểu Học, vĩnh viễn chẳng tăng tấn được. Khi ôm khư khư sách giáo khoa Tiểu Học, sẽ chẳng thể lên Trung Học. Ôm khư khư sách giáo khoa Trung Học, sẽ không lên được Đại Học. Nhất định phải hiểu đạo lý này!

“*Pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp*”, người khai ngộ bỏ sạch sành sanh, bèn khai ngộ. Quý vị thấy khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, quý vị thấy lão nhân gia đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi bặm*”. Thần Tú đại sư chẳng khai ngộ, Ngài ôm đồm rất nặng. Quý vị thấy, “*thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn siêng lau dọn, chớ để nhuộm bụi trần*”. Quý vị nghĩ xem Ngài đã ôm đồm nhiều cỡ nào! Huệ Năng đại sư thông minh, vứt bỏ toàn bộ: “*Bồ Đề chẳng phải cây, gương sáng chẳng phải đài, vốn chẳng có một vật*”, sạch trơn như thế đó! Lãnh hội từ chỗ này thì quý vị sẽ thấu hiểu cảnh giới mê và ngộ! Chúng ta chẳng học gì khác, chúng ta phải học xả, học buông xuống. Lúc

mới học, đúng là chúng tôi cũng tốn rất nhiều tâm tư sưu tập rất nhiều tài liệu, khá phong phú. Tôi xả bằng cách nào? Nay tôi thành lập Tịnh Tông Học Viện. Trong tự viện có Tàng Kinh Lâu, chúng ta gọi là Đồ Thư Quán (thư viện), toàn bộ [những kinh sách đã sưu tập] đều đưa đến Đồ Thư Quán, đều tặng cho Tịnh Tông Học Viện để giúp kẻ sơ học. Phật pháp gọi chuyện này là Bồ Thí, phải bồ thí sạch sành sanh! Vì thế, phải nên biết những thứ ấy nhằm tiếp dẫn kẻ sơ học, hữu dụng đối với kẻ chưa khai ngộ. Nhưng khi đã khai ngộ, quý vị phải xả. Quý vị chẳng xả, sẽ không thể khai ngộ. Phải buông xuống Ngã Chấp, Pháp Chấp cũng phải buông xuống. Buông xuống Ngã Chấp mà chẳng thể buông xuống Pháp Chấp, [tức là] có Định mà chẳng có Huệ, Định sẽ chế phục phiền não, chẳng thể chuyên phiền não. Huệ có thể chuyên phiền não thành Bồ Đề. Điều này quan trọng! Do vậy, Ngã và Pháp đều phải buông xuống!

Mở kinh sách ra xem, xem rất hoan hỷ, chớ nên chấp trước. Do chấp trước, sẽ chẳng thấy được hương vị. Nếu quý vị hoàn toàn chẳng chấp trước, mở kinh sách ra, trong ấy sẽ là niềm thú vị vô tận. Do vậy, tôi cũng thường thưa trình cùng mọi người, nói dài hay nói ngắn, nói sâu hay nói cạn, quý vị thật sự đắc tự tại. Vì sao có hiện tượng này? Đây là bản năng (năng lực sẵn có), tự tánh vốn trọn đủ. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vì sao nay chúng ta đều mất sạch? Đức Phật đã dạy rõ ràng, chính là vì quý vị có phân biệt, có chấp trước.

Trong phân biệt và chấp trước đều có hai loại lớn là Ngã và Pháp, hai loại ấy. Trong phân biệt có Ngã và Pháp, trong chấp trước cũng có Ngã và Pháp, phải biết toàn là hư vọng! Các thân tướng ứng hóa của chư Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới đều chẳng thật. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chẳng hề nói thân ứng hóa của Phật, Bồ Tát là ngoại lệ. Chẳng hề nói! Thấy đều là hư vọng, lẽ nào quý vị chấp trước cho được? Lẽ nào quý vị có thể phân biệt cho được? Nhất định phải hiểu đạo lý này! Buông xuống sẽ đắc đại tự tại. Có những thứ sách vở mà kẻ mới học Phật còn chưa dùng được, chúng tôi bèn tặng cho thư viện của trường học, hoặc là thư viện địa phương, chớ nên không xả! Khi xét theo bản thân, quý vị mong thật sự thành tựu, hãy thâm nhập một môn.

Lần này, trong tháng trước, tức là vào tháng Tư, sau khi tôi tham gia luận đàn Phật giáo thế giới ở Hàng Châu, đến thăm trung tâm văn hóa Lư Giang, đến Bắc Kinh thăm mấy người bạn cũ, họ mời tôi đến thăm Lệ Giang ở Vân Nam. Tôi chưa từng đến đó, rất hâm mộ, bèn thuận tiện ghé thăm một phen. Sau khi quay về, thấy báo chí đăng tin nhà nước sẽ mở đại học Phật giáo, chuyện tốt! Hiện thời, có thể nói là trên cả thế giới đang thiếu những vị thầy thật sự tốt đẹp! Do đâu mà có những vị thầy tốt? Vẫn chẳng phải là do dạy dỗ mà ra ư? Người nào có thể thành tựu? Người có chí hướng, có nghị lực sẽ có thể thành tựu, có tín tâm, Phật pháp nói là Tín, Nguyện, Hạnh, trọn đủ ba điều kiện ấy thì sẽ có thể thành tựu. Pháp thế gian cũng chẳng ngoại lệ! Chính mình có tín tâm đối với bản thân. Nếu người học Phật có lòng tin đối với Phật giáo, có lòng tin đối với kinh điển, chính mình phát khởi đại nguyện, nghiêm túc nỗ lực siêng học, chẳng có ai không thành công!

Cổ nhân thường nói “*thập niên hàn song*” (十年寒窗, mười năm học tập gian khổ). Nói cách khác, thời kỳ học tập chẳng thể ít hơn mười năm. Mười năm là như thế nào? Suốt mười năm, chuyên đồ công đốc sức nơi một bộ kinh, quý vị mới có thể thật sự trở thành chuyên gia, học giả. Đã thế, cổ đại đức thường nói: “*Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông*”. Nếu quý vị muốn thông hết thầy các kinh, mà nếu quý vị học hết thầy các kinh, sẽ vĩnh viễn chẳng thể thông! Vì sao? Tinh thần của quý vị tán loạn, đã học tập, học quá nhiều, kết quả là thứ gì cũng đều chẳng hiểu! Mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi một thứ, bèn thông suốt. Sau khi đã thông suốt thứ ấy, những thứ khác hễ vừa tiếp xúc bèn thông hiểu. Giống như Huệ Năng đại sư, Huệ Năng đại sư khai ngộ từ kinh Kim Cang. Ngài có thể giảng kinh Niết Bàn, giảng cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe xong bèn khai ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài giảng kinh Pháp Hoa cho thiên sư Pháp Đạt, những kinh ấy Ngài đều chưa hề học. Phải biết thiên sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa mười năm, Sư niệm hơn ba ngàn bộ! Kinh Pháp Hoa rất dài, bảy quyển mà! Tôi giả sử mỗi ngày Sư niệm một bộ, ba ngàn bộ là mười năm, chẳng khai ngộ! Lục Tổ giảng bộ kinh ấy cho Sư nghe, Sư khai ngộ. Quý vị thấy Tổ chưa từng học, có thể giảng được! Ngài cũng chẳng biết chữ, quý vị đọc cho Ngài nghe, sau khi quý vị đọc xong, Ngài giảng cho quý vị. Đây là gì? Một thông, hết thầy đều thông. Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông. Một pháp môn thông, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều thông, đây mới là gì? Đường tắt! Quý vị phải tin tưởng! Quý vị chẳng tin tưởng, còn mong muốn làm rất nhiều, vậy là chẳng có cách nào hết! Trong cách dạy học hiện thời, những kẻ có thể tiếp nhận [“một môn thông, hết thầy các môn đều thông”] thì đúng là có thiện căn. Chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức, họ sẽ không tin tưởng. Vì sao? Trong nền giáo dục hiện thời, học đồng thời rất nhiều môn đã thành thói quen. Những gì họ nghe, thấy, tiếp nhận đều là học theo kiểu ấy.

Chúng ta cảm thấy [bỏ ra] mười năm để làm như vậy, chuyện này lạ quá! Thời cổ là như vậy, nhưng hiện thời đã chẳng còn phương pháp dạy học như thời cổ, nay chúng tôi lại sử dụng. Người hiện thời cho nó là thứ cũ kỹ, thứ cũ mèm thì chẳng đáng tin cậy, phải nên vứt bỏ thứ cũ mèm! Chúng ta so sánh cẩn thận, [sẽ thấy] thứ cũ dùng tốt hơn thứ mới trong hiện tại. Bản thân tôi tu học là do học theo lối cũ mà thành. Thầy tôi dùng cách học theo lối cũ. Thầy Phương dạy tôi thâm nhập một môn, Chương Gia đại sư lần thầy Lý đều dạy tôi thâm nhập một môn; do đó, tôi tin tưởng.

Hiện thời, tôi hy vọng có thể thay cho ba nhà Nho, Thích, Đạo bồi dưỡng mấy vị thầy tốt. Tôi hy vọng bồi dưỡng cho Nho gia ba mươi người, Phật gia mười người, Đạo gia mười người, tôi đến cúng dường. Thật sự chịu học, mười năm học một thứ, chớ nên học nhiều. Suốt mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi một thứ! Học Nho thì mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi Luận Ngữ. Sau mười năm, người ấy trở thành chuyên gia. Học sách Mạnh Tử thì mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi sách Mạnh Tử. Học Châu Lễ thì mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi Châu Lễ. Chỉ học một thứ thì mới có thành tựu. Học Phật cũng như thế, mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi kinh Di Đà, người ấy sẽ

biến thành A Di Đà Phật. Mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi phẩm Phổ Môn, người ấy là Quán Thế Âm Bồ Tát. Mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi kinh Địa Tạng, người ấy là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Chớ nên học nhiều! Đối với phương pháp ấy, hơn bốn mươi năm trước, đáng ra có thể nói là bốn mươi lăm năm trước, tôi dạy học ở Phật Quang Sơn, đã bàn cùng pháp sư Tinh Vân cách nghĩ này vài lần. Pháp sư Tinh Vân nghe nói cũng rất hoan hỷ, Sư nói: “Chẳng thể thực hiện”. Tôi hỏi “vì sao?” [Sư nói]: “Chẳng giống như trường học!” Sư mở Đông Phương Phật Học Viện tại đó. Khi ấy, Sư mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ. Tôi đưa ra phương pháp ấy, Sư bảo: “Chẳng giống như trường học”. Tôi thưa: “Không giống như trường học, nhưng thật sự có thọ dụng”. Kết quả là Sư chẳng đồng ý áp dụng. Chẳng chấp nhận, tôi bèn rời đi. Vì thế, tôi ở học viện của Sư chỉ mười tháng bèn rời đi.

Tôi theo thầy Phương, theo Chương Gia đại sư, theo thầy Lý, tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, theo thầy Lý mười năm, thâm nhập một môn, tôi hiểu đạo lý này. Hơn nữa, chính tôi có kinh nghiệm đích thân, liễu giải thật sâu sự tốt đẹp của phương pháp này. Đối với tôi, thầy Lý vẫn mở rộng cửa phương tiện, vì sao? Trong mười năm, tôi học năm bộ kinh, chẳng phải là một bộ. Tôi học năm bộ! Vì thuở ấy, chúng tôi tuổi trẻ, vô tri, chẳng nhận thức đầy đủ về truyền thống Trung Hoa. Một môn sẽ chẳng thỏa dạ, về sau khế nhập mới biết [thâm nhập một môn] là chánh xác! Nếu thuở ấy, tôi thật sự nghe lời, tức là học một môn, thành tựu của tôi trong hiện thời sẽ vượt trội hiện tại không chỉ là mười lần! Tuổi trẻ vô tri, thầy cũng tùy duyên, cũng chẳng miễn cưỡng! Tuy là ước thúc, nhưng chẳng ước thúc nghiêm ngặt dường ấy. Nghiêm ngặt thì sao? Sợ tôi chạy mất, sợ tôi chẳng làm. Vì thế, đây là chuyện bất đắc dĩ. Đây là sự đích thân từng trải của chính tôi!

Tôi ở Đài Trung mười năm, rất nhiều đồng học đều biết, quý vị nghe [danh xưng] của năm bộ kinh ấy, [sẽ thấy] rất đơn giản. Tôi học bộ thứ nhất là kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, bộ thứ hai là học Phật Thuyết A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm, mười năm! Năm thứ ấy, trong các Phật học viện thông thường, đại khái là [học] một năm. Chẳng cần đến một năm, một học kỳ là dạy xong, khóa học đã xong! Đối với những kinh be bé ấy, tôi bỏ ra công phu mười năm. Tôi biết điều tốt đẹp này; vì thế, tôi yêu cầu các đồng học: Đừng thấy kinh Di Đà phân lượng quá ít, nội dung trong kinh ấy chẳng khác Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Do lẽ ấy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bàn Tế Thanh đã nói kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, vẫn tự có rộng rãi hay đại lược bất đồng, nghĩa lý chẳng khác biệt. Tôi tin tưởng lời ông ta. Quý vị xem bộ Di Đà Kinh Số Sao của Liên Trì đại sư. Sau đây còn có Diển Nghĩa, toàn là dùng Hoa Nghiêm để giảng kinh A Di Đà. Khi tôi giảng lần đầu là dùng bộ Số Sao của Liên Trì đại sư. Mỗi lần giảng một tiếng rưỡi. Tôi giảng thành ba trăm ba mươi sáu quyển băng [thâu âm]. Nếu giảng mỗi ngày thì gần như là suốt năm giảng một bộ kinh Di Đà. Tôi giảng khi đó là lần đầu. Nếu lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, càng giảng càng thâm nhập, càng



giảng càng rộng, nghĩa lý sẽ giảng suốt đời chẳng xong. Như thế ấy mới là thật sự có ý vị, lẽ nào quý vị có thể coi nhẹ cho được!

Nay chúng ta đọc hai bài kệ này, đối với “hồ thẹn biết nhục” và “chẳng hồ thẹn không biết nhục”, chúng ta có cảm xúc rất sâu. Chúng ta học Phật, đức Phật dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Chúng ta gặp gỡ duyên này, được làm thân người, nghe Phật pháp. Đời này chẳng thể thành tựu, quý vị nói xem có hồ thẹn hay không? Quý vị nói xem có si nhục hay không? Nếu chúng ta thật sự mong thành tựu, đương nhiên một nhân tố quan trọng nhất trong sự thành tựu, tức là một thành phần trong việc “*được làm thân người, nghe Phật pháp*” là gì? Thiện hữu, tức thiện tri thức. Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung vừa mở đầu liền nói “*minh sư thọ giới*”, “*giới*” (戒) ở đây là giáo giới (教誡, răn dạy). Chẳng có vị thầy thật sự cao minh chỉ dạy quý vị, dẫn quý vị được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, cũng chẳng vào được cửa. Thật vậy! Quá ư là nhiều [trường hợp như vậy], từ xưa đến nay! Nhưng “*minh sư*” chẳng phải là [một vị thầy có] danh tiếng to lớn. “*Minh*” ở đây là chữ Minh (明) trong “*quang minh*” (光明). Nói cách khác, vị thầy này thật sự có đức hạnh, có học vấn, có tu trì, là một vị thầy tốt!

Vào thời cổ, đương nhiên là vị thầy tốt nhất, vị ấy đã khai ngộ; nhưng trong xã hội hiện thời, chẳng tìm thấy người khai ngộ. Vì thế, thầy Lý bảo tôi: “*Bất đắc dĩ, tìm người kém hơn*”. Chẳng tìm thấy vị thầy tốt bậc nhất, chúng ta hạ xuống bậc hai, bậc thứ hai là gì? Có tu, có học. “*Học*” là thông đạt kinh giáo, “*tu*” là bản thân vị ấy có thể thật sự y giáo phụng hành, hạng này cũng rất khó có! Nếu chẳng có thì sao? Nếu chẳng có bèn tìm hạng thứ ba, hạng thứ ba là gì? Vị ấy thật sự thông đạt giáo lý, nhưng chính vị ấy trọn chẳng làm được. Chư vị phải hiểu, “*trọn chẳng làm được*” không phải là nói vị ấy hoàn toàn chẳng làm được, mà là vị ấy chỉ có thể làm được hai, ba phần mười, chẳng phải là hoàn toàn không làm được! Hạng thứ hai là vị ấy có thể làm được bảy, tám phần mười, chẳng dễ dàng. Bậc nhất là làm được một trăm phần trăm. Vị ấy đã chứng đắc, đã khai ngộ. Một trăm phần trăm là khai ngộ, [đó là hạng nhất]; bảy, tám phần mười chưa khai ngộ [thì là hạng hai]. Hạng thứ ba có nghĩa là vị ấy đã thông đạt, vị ấy chỉ có thể làm được mười phần trăm, hai mươi phần trăm.

Thiên Thai đại sư (tức là Trí Giả đại sư) nói hay lắm. Trí Giả đại sư nói “*có thể nói, lại có thể hành*”, nói thật ra là hạng hai, “*là của báu của đất nước*”. Đã đạt tới cấp quốc bảo, tức là vị ấy có thể làm được bảy, tám phần mười, quốc bảo đấy nhé! “*Có thể nói, chẳng thể làm*”, đương nhiên là vị ấy có hành. [Nếu] vị ấy chẳng hành, sẽ nói sai. Vị ấy có thể hành, mà cũng có thể nói khá lắm, nhưng vị ấy chỉ làm được mười phần trăm, hai mươi phần trăm, “*thầy của đất nước*”. Trí Giả đại sư tán thán [như vậy đó]. Vị ấy có thể làm được một, hai, ba phần mười, có thể làm như vậy thì có thể gọi là Quốc Sư. Có thể làm được bảy, tám phần mười, sẽ là quốc bảo. Nói cách khác, tối thiểu là nếu chúng ta có thể làm được hai mươi, ba mươi phần trăm, tối thiểu là làm đến mức độ này, y giáo phụng hành. Chẳng có cách nào đoạn Pháp Chấp, tối thiểu là phải nhặt bớt Ngã Chấp. Nếu không đoạn thì phải nhặt bớt. Mỗi năm một xem nhặt hơn, hiệu

quả là trí huệ. Quý vị càng nhặt bớt, trí huệ càng hiện tiền. Trí huệ nhìn từ chỗ nào? Kinh giáo. Từ từng câu, từng chữ, quý vị có thể thấy rất nhiều ý nghĩa, mỗi năm một thấy sâu hơn, mỗi năm một thấy rộng hơn! Hơn nữa, đối với người, đối với sự, khi trí huệ hiện tiền, sẽ khác hẳn. Trí huệ hiện tiền thì đối với hết thầy người và sự, người ấy chẳng dấy lên chấp trước, chẳng dấy lên phân biệt, xác thực là người ấy có thể trừ bỏ, giải quyết khá nhiều nghi nan tạp chủng, xác thực là có năng lực chỉ ra đời sống hạnh phúc mỹ mãn cho đại chúng trong xã hội. Vì thế, Trí Giả đại sư gọi vị ấy là quốc sư chẳng phải là vô lý! Bản thân vị ấy đã nỗ lực tinh tấn hướng theo phương hướng và mục tiêu ấy, nhưng mức độ tinh tấn chẳng đủ, chẳng phải là vị ấy không làm, vị ấy nghiêm túc làm!

Do vậy, nếu chúng ta có hoàn cảnh rất tốt đẹp, nhà Phật thường nói là “*pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (bánh xe pháp chưa chuyển, phải lo cái ăn trước), có nghĩa là “*thân an thì đạo mới hưng thịnh*”. Quý vị chẳng lo âu, chẳng vướng mắc về cuộc sống vật chất, thì mới có thể chuyên tâm nơi đạo nghiệp! Nếu mỗi ngày ba bữa cơm ăn chẳng đủ no, vướng mắc rất nhiều chuyện, quý vị sẽ chẳng có cách nào học đạo, chẳng có cách nào tu học. Ở đây là cần phải có một vị hộ pháp tốt đẹp. Nếu hộ pháp thật sự hiểu biết, nay chúng ta nói là “hy sinh dâng hiến”, sẽ đến giúp đỡ quý vị. Hộ pháp thật sự là người thông hiểu, chứ kẻ hộ pháp lơ mơ sẽ chẳng đáng trông cậy! Vì tình tự của kẻ ấy sẽ biến hóa, hôm nay cảm thấy rất ưa thích quý vị bèn hộ trì. Được vài ngày, tâm biến đổi, kẻ ấy chẳng chịu hộ trì quý vị, đây là chuyện rất phiền phức. Vì thế, xưa kia, người thật sự hộ trì là Phật, Bồ Tát, thật sự là bậc tái lai. Quý vị có chỗ không đúng pháp nhỏ, họ có thể dung thứ, giúp đỡ, dần dần uốn nắn quý vị, sẽ chẳng vứt bỏ quý vị. Đây chẳng phải là kẻ bình phàm!

Đặc biệt là đối với những kẻ chẳng đúng pháp, chẳng có tâm hổ thẹn, làm thế nào để giúp kẻ ấy sửa đổi tập khí phiền não? Hổ thẹn, biết nhục là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Nói cách khác, làm thế nào để giúp kẻ đó khôi phục Tánh Đức? Chuyện này cần phải có lòng tin. Vì sao? Mã Minh Bồ Tát nói hay lắm: “*Bổn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Cũng tức là không hổ, không thẹn, chẳng biết si nhục vốn chẳng có, ích kỷ vốn chẳng có, tham, sân, si, mạn vốn chẳng có. Vốn chẳng có thì có thể đoạn, vốn có thì có thể khôi phục. Người hộ pháp, người tu hành, phải nhận biết điều này, có sự nhận biết kiên định, giúp đỡ chính mình, giúp đỡ người khác khôi phục Tánh Đức. Nay chúng ta thật sự thấy người hiểu hạnh, người thật sự có đức hạnh, người thật sự sám hối sửa lỗi, chúng tôi xem phim Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký, hôm nay tôi xem đến đĩa Thiên Hạ Phụ Mẫu, khi xem bèn cảm động tuôn lệ. Phàm là những chuyện trông thấy sẽ cảm động ứa lệ, sẽ rất dễ dàng lôi kéo kẻ chẳng biết hổ thẹn quay về. Rất dễ khiến cho kẻ chẳng biết si nhục trở về tự tánh. Kéo lại không được thì sao? Hãy xem nhiều chuyện cũ, xem những tiết mục như vậy cho nhiều. Do xem nhiều, kẻ ấy sẽ dần dần bị cảm động. Kẻ đó thấy rất nhiều người khác cảm động, kẻ ấy cũng sẽ ngưng ngưng. Nếu thâm nhập, chuyên tâm xem, tự nhiên là kẻ ấy sẽ bị cảm động!

Do vậy, để giúp đỡ người khác thì phải có lòng kiên nhẫn. Giáo hóa người khác là giúp đỡ người khác. Để thật sự giúp đỡ thì phải có lòng kiên nhẫn, trọn chẳng vứt bỏ, phải học theo Phật, Bồ Tát: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. “*Không bỏ*” là gì? Hữu duyên. Khi hữu duyên, chắc chắn chẳng bỏ! Vô duyên là gì? Vô duyên là những kẻ ấy chẳng đến, vậy là quý vị chẳng có cách nào cả! Chỉ cần chịu đến, chịu tiếp nhận, hữu ý hay vô tình, chúng ta sẽ tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng nguyện tâm của kẻ ấy. [Vận dụng] trọn vẹn hết thảy các phương tiện thiện xảo để giúp người ấy quay đầu. Ở đây, phương pháp quan trọng nhất là lấy thân làm gương. Bản thân quý vị chẳng làm được, người khác sẽ chẳng tin tưởng, chính mình nhất định phải làm được. Bao người khác buông xuống, trước hết, tôi phải buông xuống cho quý vị thấy. Họ đã thấy, họ sẽ dần dần hiểu rõ, biết làm như vậy là đúng. A! Nay đã hết thời gian rồi, hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

### ***Tập 1564***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phân Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ mười lăm:

***(Kinh) Nhược đắc mỹ thực, đương nguyện chúng sanh, mãn túc kỳ nguyện, tâm vô tiện dục.***

***(經)若得美食。當願眾生。滿足其願。心無羨欲。***

***(Kinh: Nếu được món ngon, nguyện cho chúng sanh, thỏa mãn ý nguyện, tâm chẳng ham muốn).***

Đây là khi khuất thực, được cúng dường [món ăn] rất hợp với khẩu vị của chính mình. Mở rộng ý nghĩa này, có thể nói là chúng ta trong thuận cảnh, thiện duyên, gặp chuyện đẹp lòng thỏa nguyện, sẽ đều dẫn phát đại nguyện này. Đại nguyện này là mong chúng ta hãy trừ khử tham ái. Trong thuận cảnh, quan trọng nhất là chẳng sanh lòng tham luyến. Đây là tu hành chân thật. Trong nghịch cảnh, chẳng sanh sân khúe. Nói chung, trong bất cứ cảnh giới nào, cũng đều phải gìn giữ tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm trước, điều này quan trọng nhất. Vì thế, dẫn khởi đại nguyện “*mãn túc kỳ nguyện*” (thỏa mãn ý nguyện). “*Mãn túc*” (滿足) là gì? Tâm chẳng ham mộ, chẳng có dục vọng. Đây thật sự là “*mãn túc*”, không lúc nào, không chỗ nào, không chuyện nào chẳng “*mãn túc*”. Trong kinh điển Phật pháp thường thấy nói “*tri túc thường lạc*” (biết đủ, thường an vui).

Đòi người, thậm chí đối với hết thảy chúng sanh, nay chúng ta ngày càng hiểu rõ, ngày càng thông tỏ, sanh mạng là vĩnh hằng, xác thực là chẳng có sanh tử. Sanh tử chỉ bất quá là thay đổi thân thể. Thân thể này đã sử dụng lâu ngày, chẳng còn sử dụng tốt đẹp nữa, đổi cái khác! Thay đổi thành thân thể nào? Lại chẳng có cách nào tùy ý thay đổi, ta mong đổi thành gì liền đổi thành thứ đó, chẳng làm được điều này. Muốn đổi thành thân gì bèn đổi thành thân đó thì là

hạng người nào? Chính là bậc thừa nguyện tái lai, vị ấy cũng chẳng có ý niệm. Nếu còn có ý niệm mong như thế này, như thế nọ, sẽ là phàm phu. Phàm phu xả thân, thọ thân trong lục đạo. “*Xả thân*” là chẳng cần thân thể này nữa! Lại đổi thành một thân thể khác, sức mạnh nào làm chúa tể? Đức Phật dạy là nghiệp lực, chúng ta chớ nên không cảnh giác, chớ nên không hiểu rõ chuyện này, nghiệp lực làm chúa tể. Đến thế gian này để làm gì? Đức Phật đã nói rất hay, đây là nghiệp báo, quý vị đến thế gian này để hứng chịu quả báo.

Nghiệp có ba loại là thiện nghiệp, ác nghiệp, và vô ký nghiệp (nghiệp không thiện không ác). Thiện nghiệp là gì? Trong Phật pháp có tiêu chuẩn tốt nhất, đó là tiêu chuẩn thông thường, mà cũng là tổng tiêu chuẩn, tức Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thoạt nhìn, dường như là rất đơn giản. Nếu muốn nói cặn kẽ với quý vị, Thập Thiện là gì? Một bộ Đại Tạng Kinh nhằm giảng điều này. Nói ít hơn một chút thì bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cũng nhằm giảng điều này, nói bất tận, mười điều ấy. Mười điều là cương lĩnh, nghĩa lý trong mỗi điều đều chẳng có cùng tận! Người căn cơ nông cạn, lý giải cũng nông cạn. Những điều quý vị đã lý giải, quý vị thấy đều làm được thì gọi là viên mãn, viên mãn ở mức độ nông cạn. Sau khi đã viên mãn nông cạn, tự nhiên sẽ tăng tấn lên một tầng cấp cao hơn, đó lại là viên mãn. Rốt cuộc tăng lên bao nhiêu tầng cấp? Tầng cấp cũng chẳng có hạn chế. Năm mươi hai cấp bậc như kinh Hoa Nghiêm đã nói chính là năm mươi hai tầng cấp, mỗi tầng cấp có nghĩa lý sâu rộng khác nhau. Vì thế, chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ trình độ của chính mình trong hiện tiền: “Ta có thể liễu giải bao nhiêu, ta làm bấy nhiêu”, vậy là tốt!

Không sát sanh. Phàm những gì có sanh mạng đều phải tôn trọng. Phải biết tôn trọng sanh mạng, kính yêu sanh mạng. Chớ nên mặc tình giẫm đạp sanh mạng, giết hại sanh mạng. [Nếu giết chết, tổn hại sanh mạng] thì sai mất rồi! Chúng ta lý giải đến tầng cấp này, sẽ thật sự có thể làm được. Chúng ta tôn trọng hết thấy chúng sanh, giống như kẻ khác tôn trọng ta. Chúng ta thích người khác tôn trọng chúng ta, chúng ta phải tôn trọng người khác! Tầng cấp này cao hơn những kẻ bình phàm một chút, kẻ bình phàm chỉ biết tôn trọng con người, chẳng biết tôn trọng súc sanh, càng chẳng biết tôn trọng hoa cỏ, cây cối. Vì thế, trong hiện thời, tầng cấp của chúng ta cao hơn những kẻ đó. Dầu là động vật nhỏ nhít, muỗi, kiến, cho đến vi khuẩn, đều là những sinh vật mà nhục nhãn chẳng trông thấy, chúng ta biết tôn trọng chúng nó, chớ nên sát hại! Cây cối, hoa cỏ, thực vật cũng có sanh mạng, cũng phải tôn trọng chúng. Chúng ta có nhu cầu ăn uống, chúng nó hiển dâng, cúng dường. Phải hiểu điều này! Chúng ta phải yêu thương, che chở chúng nó. Như rau, dưa, hoa, quả, thóc gạo, các thứ lương thực, chúng ta chẳng thể không dùng chúng nó. Phải biết là chúng nó đã cúng dường chúng ta, chúng ta có báo đáp chúng nó hay chẳng? Đây là một vấn đề, những kẻ bình phàm thường sơ sót về phương diện này. Báo đáp chúng nó bằng cách nào? Chúng nó cúng dường sanh mạng cho chúng ta, chúng ta phải hồi hướng công đức tu hành của chính mình cho chúng nó. Chúng nó có thể hưởng công đức ấy hay không? Chúng nó thật sự có thể hưởng được. Khi chúng ta chẳng dùng đến chúng nó, [chẳng hạn như] những thứ chưa dùng đến trong vườn rau, phải yêu thương, che chở, tôn

trọng chúng nó. Hiện thời, chúng ta học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, dần dần cũng hiểu rõ, cũng thấu hiểu chân tướng sự thật này. Vì thế, chúng ta có thể làm được điều này.

Bản thân chúng tôi có vườn rau, chúng tôi chăm sóc nó cẩn thận, chăm sóc kỹ lưỡng. Trong vườn rau, ngày đêm phát ra tiếng niệm Phật hiệu không ngừng. Chúng tôi dùng máy niệm Phật để niệm Phật không gián đoạn. Tất cả cây cối, hoa cỏ, ngay cả rau dưa trong vườn rau cũng thảy đều niệm Phật, Phật hiệu không gián đoạn. Chúng ta cùng nhau tu hành, thân thể khỏe mạnh, đạo nghiệp thành tựu, hóa độ hết thảy chúng sanh cần phải có công cụ này. Công cụ này có một phần công đức. Nó từng cúng dường chúng ta một bữa cơm, cúng dường ta một miếng ăn. Đó gọi là “*chịu ân người khác bằng giọt nước, thường nghĩ báo đáp như suối trào*”. Đối với một hạt gạo, có nghĩ phải báo đáp hay chăng? Đối với một lá rau, có nghĩ báo đáp hay không? Nếu chúng ta chẳng khéo nghiêm túc tu hành, há có thể nào xứng đáng với sự cúng dường của chúng nó? Quý vị có thể lý giải đạo lý này hay không? Quý vị có hiểu hay không? Nếu tư tưởng và hành vi của chúng ta trái nghịch Tánh Đức, sẽ có lỗi với một hạt gạo, có lỗi với một lá rau, có lỗi với một giọt nước, thật đấy! Quý vị sẽ biết chúng ta khát thực bèn tự nhiên sanh khởi tâm cảm ơn đối với trai chủ cúng dường.

Nếu chúng ta hỏi, hiện thời, chúng ta không khát thực, hằng ngày ngồi vào bàn ăn dùng cơm. Cơm và thức ăn ấy có phải do trai chủ cúng dường hay không? Phải! Ai là trai chủ? Trai chủ có thể là một đồng lớn! Trong đạo tràng này, chủ nhân của đạo tràng là trai chủ. Tất cả những vị chấp sự (những người giữ chức trách quản trị) trong đạo tràng là trai chủ. Những người nấu cơm, nấu thức ăn trong nhà bếp thảy đều là trai chủ. Chẳng có họ, quý vị chẳng có [cái để ăn]. [Kẻ] mua gạo, mua thức ăn cũng đều là trai chủ. Người gieo trồng lương thực, gieo trồng rau cũng đều là trai chủ. Quý vị cứ thông thả suy nghĩ, sẽ biết một bát cơm có bao nhiêu trai chủ! Trong Phật pháp, trong “*thượng báo tứ trọng ân*” có một điều là ân chúng sanh. Đây là nói về người. Còn nói về vật thì như tôi vừa mới nói, một hạt gạo, một giọt nước, một lá rau, nó sanh trưởng, phụng hiến cúng dường, thảy đều là trai chủ.

Chúng ta đã chịu ân huệ của thiên nhiên, chịu ân huệ của hết thảy trai chủ. Chẳng biết khéo tu hành, báo đáp bằng cách nào? Hiện thời có mấy ai có thể nghĩ đến? Ngay cả nghĩ mà còn chẳng nghĩ, nói gì đến báo ân? Trong phần trước, chúng tôi đã nói điều này rất nhiều: Để báo ân thì phải biết ân. Có biết ân thì mới có thể báo ân. Quý vị chẳng biết ân, ý niệm báo ân sẽ chẳng sanh khởi, chỉ có tri ân thì mới biết báo ân. Tri ân là giải môn, giải ngộ, báo ân là chứng ngộ, đều là Tánh Đức. Tri ân là một phần trí huệ Bát Nhã trong Tánh Đức, báo ân là đức hạnh. Nếu nay chúng ta hỏi, vì sao ta có thể biết báo ân? Do đức Phật dạy. Chẳng có giáo huấn của Phật, Bồ Tát, tuy chuyện này hằng ngày ở ngay trước mắt, hằng ngày ở bên thân, có ngày nào quý vị chẳng ăn cơm? Có ngày nào chẳng uống nước? Nhưng xác thực là chẳng nghĩ ân đức nhiều ngàn ấy. Sau đấy, quý vị bèn hiểu, hiểu gì vậy? Ân cha mẹ và ân thầy. Cha mẹ sanh ra thân ta, thầy dạy dỗ ta, ta mới thật sự liễu giải chân tướng sự thật, phải làm một người tri ân báo ân!

Người mà có thể sống tương ứng với Tánh Đức, sẽ là thật sự hạnh phúc, thật sự mỹ mãn, thật sự vui sướng, cũng chẳng vui sao? Sự vui sướng từ đâu mà có, quý vị bèn hiểu rõ. Niềm vui ấy từ trong tự tánh, từ trong tâm tánh lưu xuất, chẳng đến từ bên ngoài. Sự vui sướng thường lưu xuất từ tự tánh, quý vị còn có phiền não hay không? Quý vị còn có ưu lự hay không? Chẳng có. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, quý vị sẽ còn có dục vọng hay chẳng? Quý vị có còn hâm mộ kẻ khác hay chẳng? Thấy đều chẳng có! Người thế gian, có kẻ có địa vị rất cao, có kẻ giàu sụ, chúng ta chẳng có chi hết, có lúc gặp gỡ nhau, tôi sẽ nói: “Quý vị có của cải ức vạn, tôi cũng có”, [người ta sẽ hỏi] “quý vị có gì vậy?” “Tôi có niềm vui sướng. Tuy quý vị có của cải ức vạn, quý vị chẳng có vui sướng, còn tôi thì có niềm vui sướng”. Người ấy hỏi: “Vì sao?” “Quý vị có ưu lự, có phiền não, có vướng mắc, có áp lực, đúng không?” Đúng! Người ấy đều có. “Tôi chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, chẳng có vướng mắc, chẳng có áp lực; do vậy, tôi sống hạnh phúc và vui sướng hơn quý vị”. Kẻ ấy nghe nói cũng gật đầu, cũng rất hâm mộ.

Những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng ấy chẳng thật, giả trá. Ở trong thế gian này, quý vị có thể đạt được [những thứ ấy], đương nhiên cũng là duyên phận. Đời quá khứ, quý vị tu nhân, hiện tiền hiện thành quả báo. Đó là lẽ đương nhiên. Nhưng người giác ngộ và kẻ chẳng giác ngộ khác nhau. Kẻ chẳng giác ngộ sẽ sanh khởi phiền não trong ấy, như tôi vừa mới nói, kẻ ấy có ưu lự, có phiền não, có vướng mắc, có áp lực. Nếu đã giác ngộ, tuy có mà như không, người ấy sẽ hết sức vui sướng. Công danh, phú quý, của cải ức vạn chẳng ghim trong lòng, tâm như thế nào? Vĩnh viễn gìn giữ sự rộng rang, linh thông. Đó là của cải thật sự! Đối với những phước báo do người ấy đã tu trong đời trước, người ấy sẽ chẳng tự mình thọ dụng. Người thế gian có phước báo, tự mình hưởng thụ, họ sẽ có khổ. Người giác ngộ có năng lực, có trí huệ, có của cải, ban cho hết thầy chúng sanh hưởng thụ. Chính mình có hưởng thụ hay không? Chính mình chẳng hưởng thụ, cao minh nhất, viên mãn nhất! Thật sự có người như thế hay chẳng? Những gương như vậy trong Phật môn rất nhiều! Thích Ca Mâu Ni Phật là tấm gương đầu tiên. Ngài đã vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ vinh hoa phú quý, từ bỏ vợ con để làm công việc mà Ngài cho là viên mãn nhất. Công việc viên mãn nhất là gì vậy? Giác ngộ chúng sanh. Ngài biết chỉ có giác ngộ chúng sanh thì mới đạt được hạnh phúc thật sự. Chẳng giác ngộ, quý vị đạt được địa vị quốc vương hoàn toàn chẳng hạnh phúc. Đạt được của cải cũng chẳng hạnh phúc, thật sự giác ngộ mới là hạnh phúc. Nhưng hết thầy chúng sanh vốn sẵn có giác tánh. Quý vị thấy Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: “*Bổn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Do vậy, hết thầy lục đạo chúng sanh sống trong bất giác, bị mê hoặc, chuyện này vốn là không! Vì thế, trong kinh, đức Phật thường cảm thán: “Chúng sanh oan uổng hứng chịu luân hồi trong sáu đường!” Có sao oan uổng hứng chịu? Vốn chẳng có lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi là gì? Là gặp ác mộng.

Chư vị hãy ngẫm xem, chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, đều biết mộng là giả, chẳng thật, nhưng khi nằm mộng, có mấy ai biết mộng là giả? Biết mộng là giả thì sẽ rất vui sướng, sẽ rất hạnh phúc, giống như Bát Nhã Tâm Kinh

đã nói: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, độ hết thấy khổ ách*”. Tất cả hết thấy khổ nạn trong mộng đều chẳng có, đều đã giải thoát. Chẳng biết chính mình đang nằm mộng, ngỡ là thật, nặng lòng hứng chịu sợ hãi, kinh hoàng vô lượng, vẫn thật sự là có hứng chịu. Hễ tỉnh giấc, khắp thân đầm mồ hôi, khi ấy mới biết vốn là một giấc mộng, may thay chỉ là mộng! Đức Phật thấy lục đạo chúng sanh nay đang ở trong mộng; vì thế, những vị tái lai là những người tỉnh táo, đến làm gì? Đến giúp những người trong mộng tỉnh giấc. Chúng ta gọi những vị ấy là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là những bậc giác ngộ, lục đạo chúng sanh là kẻ trong mộng. Chúng Đạo Ca có nói: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo*”, luân hồi trong lục đạo, “*giác rồi ba cõi rỗng toang hoang*”. Hai câu ấy nói rõ sự minh giác đáng quý dường ấy. Giác thì mới có chân lạc. Trong giác tâm chẳng có dục vọng, trong giác tâm chẳng có hâm mộ; đây mới là “*mãn túc kỳ nguyện*” (thỏa mãn nguyện ấy), cũng là như trong kinh thường nói, “*tri túc thường lạc*”.

Người chỉ cần giác ngộ, không chỉ là sẽ biết cảm ơn cha mẹ, cảm ơn thầy (Phật là thầy), cảm ơn quốc chúa, cảm ơn chúng sanh. [Từ ngữ] “*chúng sanh*” có phạm vi bao quát quá lớn, bao gồm cả trời và đất. Trời có ân bao trùm, đất có ân chuyên chở. Vạn sự vạn vật giữa trời đất có thứ gì chẳng có ân đối với ta? Một người sống trong sự cảm ơn, trong cảnh giới báo ân, các khoa học gia nói là “*các chiều không gian khác nhau*”, Phật pháp nói là “*pháp giới*”, quý vị mới thật sự thấu hiểu hạnh phúc là gì, viên mãn là gì!

Từ những chỗ này, chúng ta lại mở rộng. Không chỉ là ẩm thực, quan trọng hơn nữa là pháp thực. Người khát thực đều biết hướng về trai chủ để xin cơm, hướng về Phật, Bồ Tát để xin pháp. Khát thực để nuôi sắc thân, khát pháp để nuôi huệ mạng. So sánh giữa hai thân ấy, thân nào trọng yếu? Pháp Thân trọng yếu hơn sắc thân! Vì sao? Sắc thân có sanh, có diệt, Pháp Thân bất sanh, bất diệt, phải hiểu điều này! Pháp Thân ở nơi đâu? Pháp Thân và sắc thân là một Thể, vấn đề là quý vị chẳng nhận biết. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói rất thấu triệt, dùng một phần văn tự rất lớn để dạy rõ Pháp Thân là toàn thể vũ trụ.

Pháp Tánh là căn tánh của sáu căn, từ trong căn tánh mà chỉ ra. Chúng ta còn có thể lãnh hội Pháp Tánh, nhưng nếu nói “*hết thấy vạn vật đều là Pháp Tánh*”, chúng ta chẳng thể lãnh hội điều này, chẳng có cách nào lý giải. Đây mới là nói rất ráo, mới là nói chân thật! Pháp Tánh ở nơi đâu? Pháp Tánh là pháp tướng, pháp tướng là do Pháp Tánh biến hiện. Cổ nhân dùng tỷ dụ để nói, vàng và đồ vật. Vàng ở nơi đâu? Đồ vật là vàng, vàng là đồ vật. Vàng ví như Pháp Tánh, đồ vật giống như pháp tướng. Tánh và tướng có cùng một Thể. Tánh có thể hiện, có thể biến; Tướng là cái được hiện, được biến bởi Tánh. Vì thế, Tánh và Tướng bất nhị, Lý và Sự như một. Quý vị có thể thật sự hiểu, có thể thật sự khế nhập thì mới là thật sự giác ngộ. Do vậy bèn nói “*dùng phương pháp gì để giác ngộ?*” Chúng ta nhìn từ một trăm bốn mươi một nguyện ở đây, [nếu như] quý vị thật sự có thể nhìn ra môn đạo (cửa nẻo, đường lối), sẽ hiểu tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn vốn là như thế, quý vị sẽ ngộ nhập!

Nói chung, sáu căn đối ứng cảnh giới sáu trần, trong ấy có hai chữ, một là mê, hai là ngộ. Ngộ là thánh nhân; mê là phàm phu. Phàm phu là gì? Thánh nhân

là gì? Nói thật ra, chỉ có mê và ngộ sai khác. Ngoài mê và ngộ ra, chẳng có một pháp để có thể được! Chúng ta học Phật, hướng theo phương hướng này, hướng theo mục tiêu này để học tập, đại đạo chẳng xa, ở ngay trước mắt. Cổ nhân nói là “*trục hạ thừa đương*” (thẳng thừng gánh vác, ngay lập tức đảm nhiệm); đây là khế nhập, đó gọi là “*tu hành chứng quả*”. Hiện thời, nếu chúng ta hỏi, vì sao chúng ta khó khăn như vậy, học đã nhiều năm ngàn ấy, [có sao] vẫn y như cũ chẳng nhập môn được? Đừng nói là “nhập”, [ngay cả] “môn” cũng chẳng tìm được! Đây là do nguyên nhân nào? Từ đầu đến cuối là do mê nơi sắc tướng. Chư Phật, Bồ Tát, hết thấy kinh luận dạy chúng ta buông xuống, nhưng từ đầu đến cuối chúng ta chẳng buông xuống. Vì thế, chẳng thể khế nhập, nào có biết: Hễ buông xuống là được! Tự tánh vốn trọn đủ vô lượng trí huệ, đức tướng, quý vị chịu buông xuống, [trí huệ và đức tướng] sẽ hiện tiền, sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy hiện tiền, được gọi là “*tâm khai ý giải*”, Tông Môn nói là “*minh tâm kiến tánh*”, Giáo Hạ nói là “*đại khai viên giải*”. Vì thế, tôi vĩnh viễn cảm ơn thầy tôi. Tôi học Phật, đúng là ngày đầu tiên thầy đã dạy tôi bí quyết học Phật, “*nhìn thấu, buông xuống*”, nói trọn hết! Phật pháp ở nơi đâu? Bốn chữ ấy là toàn thể của Phật pháp. Quý vị đạt được bốn chữ ấy, đối với ngàn kinh vạn luận, sẽ hoàn toàn cởi gỡ mắc mứu, chẳng có mảy may chướng ngại! Hiện thời, bọn phàm phu trong lục đạo chúng ta xác thực là tâm có muôn mối mắc mứu, chẳng tháo gỡ được. Vì sao chẳng tháo gỡ được? Do không buông xuống!

Trong Phật môn, ta cũng thường nghe nói “*lợi căn, thiện căn sâu dày*”. Lợi căn là gì? Thiện căn sâu dày là gì? Nói thật thà, người buông xuống chính là thiện căn sâu dày, là lợi căn. Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh, [thấy ngài] Thần Tú không buông xuống được, Ngài vẫn nói: “*Thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng*”. Chẳng buông xuống cái thân, chẳng buông xuống cái tâm, chẳng buông xuống cảnh giới được. Cội Bồ Đề, đài gương sáng là cảnh giới, chẳng buông xuống, sống rất khổ! “*Luôn luôn siêng lau dọn, đừng để nhuốm bụi trần*”, rất khổ! Quý vị hằng ngày phải chùi sạch cái gương ấy. Nói cách khác, trong tâm Ngài có vướng mắc, có ưu lự, có phiền não. Trong tâm Huệ Năng đại sư sạch lau lâu, chẳng có thân, mà cũng chẳng có cội, chẳng có tâm, mà cũng chẳng có đài, Ngài chẳng cần lau chùi! Quý vị hãy suy ngẫm cảnh giới của hai vị ấy!

Buông xuống thì công đức viên mãn. Chẳng thể buông xuống, trần lao vô tận. Nếu chúng ta thật sự tham cứu thấu triệt ý nghĩa này, quý vị có muốn buông xuống hay không? Quý vị thật sự buông xuống, quả thực buông xuống, mới tham thấu. Hễ còn có một chuyện chẳng buông xuống được, sẽ chẳng thấu triệt. Quý vị học Phật nhiều năm ngàn ấy là học gì? Học nơi thấy nghe (kiến thức), chẳng hề khế nhập, học được một số tri kiến! Cổ nhân nói hay lắm, “*mao bì chi kiến*” (thấy ngoài lông, da, thấy biết hơi hột bề ngoài). Một phân, một hào chẳng xuyên thấu, vậy thì làm sao được nữa! Đây là chẳng được thọ dụng! Sau khi đã thật sự khế nhập, quý vị mới là thật sự liễu giải vạn sự vạn pháp trong vũ trụ là chuyện như thế nào! Quý vị mới thật sự hiểu rõ, mới minh bạch, kinh Bát Nhã gọi điều này là “*Thật Tướng của các pháp*”, quý vị đã thấy rõ ràng, thấy minh bạch tướng chân thật của chư pháp (hết thấy các pháp), đó gọi là “*thấy thấu suốt*”. Sau khi



đã thấy thấu suốt, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ chẳng dấy lên. Đây gọi là “*buông xuống*”.

Huệ Năng đại sư là một tấm gương rất hay. Ngài đã buông xuống. Sau khi đã buông xuống, trí huệ và đức tướng hiện ra. Những kẻ bình phàm như chúng ta, tiếp xúc Ngài, tôn trọng, lễ kính Ngài, hết sức hâm mộ. Làm thế nào mà Ngài có trí huệ to lớn dường ấy? Thật sự đáng gọi là “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thể*”. Đến cuối cùng, Ngài bèn biểu hiện, ngay cả sanh tử đều biết rõ ràng! Huệ Năng đại sư bảo cho mọi người biết [thời điểm Ngài sẽ] vãng sanh trước đó cả năm. Ngài sai người về quê hương dựng tháp, để làm gì? Sau khi chết, có thể đặt linh cốt của Ngài trong tháp. Lo liệu hậu sự trước cả năm! Chúng ta phải biết, vì sao Ngài chẳng trụ thế thêm mấy năm nữa? Vì sao phải ra đi sớm? Duyên đã hết rồi! Chư Phật, Bồ Tát đến ứng hóa trong thế gian này là duyên. Duyên chính là “*chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng*”. Thích Ca Mâu Ni Phật đến bằng ứng thân, Huệ Năng đại sư cũng là đến bằng ứng thân. Một vị là ứng thân tại Ấn Độ vào thời cổ, một vị là ứng thân tại Trung Hoa, đều nhằm giáo huấn chúng ta.

Trước hết, Ngài dạy chúng ta. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật có thể bỏ điều khó bỏ, có thể hành điều khó hành. “*Khó bỏ*” là có thể bỏ vinh hoa, phú quý. Đây là thứ những kẻ bình phàm cực lực theo đuổi. Ngài đều hiện thành, có thể buông xuống. “*Có thể hành chuyện khó hành*” chính là Ngài giáo hóa chúng sanh, có thể suốt đời nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, ba y một bát, có thể sống suốt đời [như vậy], hạnh khó hành mà có thể hành! Giáo hóa chúng sanh đúng là dạy bảo không phân biệt; hiện thời nói là “*văn hóa đa nguyên*”, chẳng phân biệt là ai, chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, chẳng phân biệt tôn giáo, người đến chẳng cự tuyệt, người đi chẳng giữ lại! Chỉ cần quý vị chịu đến, Ngài sẽ hết sức nhiệt tâm giúp đỡ quý vị, luôn hy vọng quý vị cũng có thể khai ngộ, cũng có thể đạt tới cảnh giới giống hệt như Ngài.

Nếu chúng ta hỏi, thuở đức Thế Tôn tại thế, trong các đệ tử, có vị nào có cảnh giới giống như Ngài hay chẳng? Quý vị nói xem, có hay không? Có chứ! Xác thực là có, đây chẳng phải là có hai vị Phật hoặc nhiều vị Phật xuất thế ư? Chẳng phải vậy, thầy vẫn là một. Học trò đã đạt tới cảnh giới của thầy, có cần phải tôn sư trọng đạo hay không? Phải! Vĩnh viễn chẳng thể quên ơn thầy. Đây là đã nêu gương rất tốt. Thậm chí, nói theo bọn phàm phu chúng ta, đức hạnh, học vấn, năng lực và phước báo của quý vị vượt trội thầy. Tại Trung Hoa, có những trường hợp như vậy. Học trò đỗ Trạng Nguyên, làm đến Tể Tướng, thầy vẫn là chàng Tú Tài nghèo kiết xác. Nhưng thầy đã dạy quý vị từ thuở bé, thầy đã xây dựng cơ sở học thuật cho quý vị, có cần phải tôn trọng thầy hay không? Cần chứ! Gặp thầy vẫn phải mời thầy ngồi ghế trên, điều này nhằm giáo hóa chúng sanh đừng quên cội gốc. Vì thế, nếu quý vị chú tâm quan sát, [sẽ thấy] Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã vì chúng ta thị hiện đủ mọi lẽ, “*mãn túc kỳ nguyện, tâm vô tiện dục*” (thỏa mãn nguyện ấy, tâm chẳng hâm mộ, ham muốn). Làm cho chúng ta thấy, ngay trong thuận cảnh! Nay đã hết thời gian rồi.

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ thứ mười sáu tiếp theo:

**(Kinh) Đắc bất mỹ thực, đương nguyện chúng sanh, mạc bất hoạch đắc, chư tam-muội vị.**

**(經)得不美食。當願眾生。莫不獲得。諸三昧味。**

**(Kinh: Được đồ ăn dở, nguyện cho chúng sanh, chẳng ai không được các vị tam-muội).**

Từ rất nhiều nguyện chúng ta thấy, có khá nhiều chỗ đều là một đấng là chánh diện, đấng kia là phản diện. Bài kệ trước nói đến thức ăn ngon, tức là những thứ chính mình rất thích ăn. Trong bài kệ này, “*bất mỹ thực*” nghĩa là những thứ chính mình chẳng thích ăn. Trong khi khát thực, sẽ thường xuyên gặp phải [tình cảnh này]. Tôi tin là được đồ ăn ngon chỉ sợ là thiếu số, đồ ăn dở nhất định là đa số. Đấy đều là cảnh giới tu hành. Từ vô thi kiếp tới nay, hết thầy chúng sanh nếu chẳng mài giũa tập khí phiền não trong cảnh giới, lẽ nào có thể thành tựu cho được? Vì thế, người thật sự tu hành đối với hết thầy các cảnh giới, chẳng có cảnh giới nào không phải là cảnh giới tốt đẹp. Chúng tôi thường đề cập: “*Người nào cũng đều là người tốt; chuyện nào cũng đều là chuyện tốt*”. Người thật sự hiểu lời này chẳng nhiều! Người thật sự hiểu thì sẽ biết tu hành, công phu nhất định là tăng tấn hằng ngày. Vì sao? Hằng ngày đều mài luyện, mài cho sạch lâu những tập khí và phiền não, nhất là tập khí. Xác thực là chẳng có phiền não, chẳng hề so đo nữa, nhưng trong tâm còn có lúc sanh khởi đôi chút, tuy thời gian rất ngắn, còn có một tí hoan hỷ, có một chút chán ghét, hết sức nhỏ nhiệm, nhưng phải hiểu là một chút nhỏ nhiệm ấy đối với người tu hành thì sẽ vẫn y như cũ tạo thành chướng ngại hết sức nghiêm trọng.

Người bạn học của ngài An Thế Cao đọa lạc trong thần đạo, [là vị] khi khát thực, [nên] xin phải những thứ khó nuốt, trong tâm khó chịu đôi chút, thời gian [sanh lòng khó chịu ấy] luôn rất ngắn ngủi. Dầu vị ấy hiểu kinh, chuộng thí, hằng ngày ở bên thân Phật nghe kinh, học giáo, nhưng chẳng thông đạt lý ấy, đó là tập khí. Quý vị nói xem, người ấy được thức ăn ngon thì có tâm tham hay không? Chẳng có! Được thức ăn dở, có oán hận hay không? Cũng chẳng có! Nhưng đối với đồ ăn ngon thì nói chung là có một tí ưa thích hương vị, xin được thức ăn khó nuốt thì nói chung cảm thấy khó chịu đôi chút. Do “đôi chút” ấy mà đọa vào thần đạo, làm thân súc sanh, tức thân rắn. Quý vị nói xem, có đáng sợ lắm hay không?

Bạn học [của vị thần ấy] là ngài An Thế Cao đã chứng quả. Vì sao biết là chứng quả? Từ truyện ký, chúng ta thấy Ngài xác thực có thần thông. Ngài đến Trung Hoa, ở Quảng Châu, đền nợ mạng hai lần, Sư biết mà! Khi Sư đến Trung Hoa lần thứ ba, dùng thân phật pháp sư để phiên dịch kinh điển. Sư đến chỗ người bạn của Ngài, người bạn ấy làm long vương tại Trung Hoa. Thọ mạng của thân dài hơn con người, nói chung là đến mấy trăm năm, thọ mạng của long vương đã hết rồi. Quý vị thấy Sư hiểu rõ, muốn giúp đỡ, muốn cứu ông ta. Nếu Sư không cứu, vị thần ấy sau khi chết, do tạo nghiệp rất nặng, tâm sân khuể nặng nề. [Người

ta] đến lễ bái, cúng dường, thần bèn hoan hỷ, phù hộ. Quý vị chẳng lễ bái, chẳng cúng dường thần, ông ta sẽ chán ghét, không chỉ là chẳng phù hộ quý vị, mà có lúc còn kiếm chuyện làm khó dễ quý vị đôi chút. Tập khí của quý thân mà! Đây toàn là thị hiện cho chúng ta thấy. Vì thế, đối với quý thân có cần phải cung kính hay không? Phải chứ! Nhưng kính nhi viễn chi! “Viễn” có nghĩa là gì? Chớ nên học theo kẻ ấy, chớ nên nghe theo sự chỉ huy của kẻ ấy, có ý nghĩa như thế đó, phải cung kính, phải cúng dường. Tốt nhất là quý vị còn phải giảng kinh, thuyết pháp, siêu độ kẻ ấy, giúp kẻ ấy rời lìa ác đạo. Do đó, ngài An Thế Cao đến nơi đó độ ông ta. Từ chỗ này, chúng tỏ ngài An Thế Cao là bậc đã chứng quả, thật sự là Bồ Tát, nhưng Bồ Tát thuộc đẳng cấp nào chúng ta không biết. Chúng ta chỉ biết theo ghi chép trong kinh điển, hề có Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm có năng lực này. Tha Tâm và Túc Mạng nói chung là Bồ Tát thuộc địa vị Nhị Tín hoặc Tam Tín, thuộc các địa vị này. Thất Tín tương đương A La Hán, sẽ có Lưu Tận Thông. Tam Quả có Thần Túc Thông, Tứ Quả có Lưu Tận Thông. Ngài An Thế Cao đã thị hiện sáu món [thần thông] đều trọn đủ. Sáu món trọn đủ thì theo kinh Hoa Nghiêm, tối thiểu là từ địa vị Thất Tín trở lên, chẳng phải là phàm nhân.

Đây là giúp cho một bạn đồng học cũ đọa trong ác đạo. Nhưng giúp đỡ bạn học cũ, người ấy tuy chết đi chẳng đọa trong ba ác đạo, sanh về Đạo Lợi Thiên vẫn chẳng rớt ráo! Sanh về Đạo Lợi Thiên có phải là do công đức của ngài An Thế Cao đây ư? Chẳng phải! Ngài An Thế Cao khai thị, hướng dẫn, người ấy giác ngộ, sám hối, biết chính mình khi làm long vương đã tạo chẳng ít tội nghiệp! Phải như thế nào thì mới có thể siêu độ? Tu phước. Cũng là do mười phương cúng dường ông ta rất nhiều. Vị long vương ấy rất linh nghiệm, linh nghiệm là gì? Trong quá khứ, ông ta đã học kinh giáo rất nhiều, hiểu kinh. Vì thế, ông ta linh thiêng. Ông ta lại thích bố thí, phước báo rất lớn. Vì thế, ngài An Thế Cao bảo ông ta: “Ông hãy đem những tài vật ấy dâng hiến, tôi thay ông dựng một ngôi chùa thờ Phật”. Đây là phước báo. Dựng chùa, hoằng pháp lợi sanh; vì thế, ngôi chùa đầu tiên ở Giang Nam là do dùng tiền của long vương để xây dựng, ngài An Thế Cao dựng thay cho ông ta. Quý vị thấy vẫn là chính mình tu phước. Nếu chính mình chẳng chịu tu, người khác chẳng có cách nào cả! Bởi lẽ, người khác chỉ có thể làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị. Quý vị chẳng biết thực hiện bằng cách nào, người khác dạy quý vị, vẫn là quý vị “*tự làm, tự chịu*”. Chúng ta phải ghi nhớ đạo lý này!

Vậy thì quý vị sẽ hiểu, trong đời này, điều gì quan trọng nhất? Tu phước và tu huệ quan trọng nhất, nhưng tu phước lẫn tu huệ đều phải có giới làm cơ sở. Nếu chẳng có cơ sở là giới, chỉ có huệ, sẽ chẳng có vấn đề gì, nhưng huệ nhất định sanh từ giới. Quý vị thấy “*do giới đắc Định, do Định khai Huệ*”. Do đó, chẳng có giới, chắc chắn là quý vị chẳng có định, nhưng như thế nào? Có phước. Do phước thì chỉ có thể sanh thiên, lại còn nói thật thà, chỉ có thể sanh vào Dục Giới Thiên! Dục Giới có sáu tầng trời; hoàn toàn dựa vào phước thì tối đa chỉ có thể đến Đạo Lợi Thiên. Vì sao? Từ Dạ Ma Thiên trở lên đều phải có một chút công phu tu hành. Công phu ấy là công phu định huệ, [tuy] Định và Huệ rất cạn.

Hoàn toàn chẳng có Định Huệ thì tối đa là đến Đạo Lợi Thiên. Ngài An Thế Cao nói người bạn làm long vương của Ngài sanh về Đạo Lợi Thiên.

Phước huệ song tu, tu huệ quan trọng hơn tu phước. Vì sao? Huệ có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chứ phước không được. Lục Tổ đại sư nói “*chuyện này phước chẳng thể cứu*”. “*Chuyện này*” chính là đại sự sanh tử luân hồi trong lục đạo. Do phước, sẽ chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, huệ thì có thể thoát khỏi, phải hiểu điều này. Căn bản của nó là giới luật, giới luật là căn bản. Nếu chẳng có giới luật, [chỉ] có phước thì sẽ đọa trong ba ác đạo. Quý vị nghĩ xem, người bạn học ấy của Sư, mỗi ngày khát thực thường xin phải những thứ khó nuốt, trong tâm còn một tí khó chịu, đấy là phạm giới. Dầu là trì giới, giới ấy bất tịnh, trong giới ấy đã xen tạp, chẳng thuần. Vì thế, ông ta chẳng đắc Định, chẳng khai huệ. Vì sao phải giữ giới? Giữ nghiêm giới luật, chẳng thể có một tí bực bội, chẳng vừa ý. Hễ có một tí tọ tạo như vậy, sẽ chuốc lấy quả báo như thế đó. Nhưng đối với chuyện này, tập khí phiền não hết sức khó đoạn, làm như thế nào? Phải mài giũa trong cảnh giới. Trong đời này, tôi học Phật mười năm chẳng thể đoạn. Hai mươi năm? Hai mươi năm chẳng thể đoạn! Ba mươi năm, khẳng định là mỗi năm một nhẹ hơn. Đến khi nào, đối với thuận cảnh lẫn nghịch cảnh mà thật sự là ý niệm tham ái hay ý niệm sân khuê đều chẳng có, mới thật sự đạt đến bình đẳng, bình đẳng là định. Chỉ cần định vừa mới hiện tiền, thừa cùng chư vị, trí huệ liền hiện tiền. Quý vị là tiểu định, tiểu trí huệ hiện tiền; đại định, đại trí huệ hiện tiền. Định là gì vậy? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng sanh tập khí phiền não, đấy thật sự là Định. Hễ còn có tập khí phiền não, sẽ chẳng đắc định. Trong kinh giáo đã dạy điều này rất nhiều, chớ nên không biết!

Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải học chuyên cảnh giới, chuyên nhanh chóng. Bậc đại đức trong Tông Môn thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Hễ giác ngộ bèn chuyển! Ý niệm vừa mới dậy lên, trong sát-na, tức là trong sát-na thứ hai chẳng có ý niệm ấy, chuyển ngay, như vậy thì hữu dụng. Ở đây nhằm dạy chúng ta chuyển, hai câu kệ đó nhằm dạy chúng ta chuyển: “*Đương nguyện chúng sanh, mạc bất hoạch đắc, chư tam-muội vị*” (Nguyện cho chúng sanh, không ai chẳng được các vị tam-muội), đừng nên nghĩ tới những món đồ ăn ấy, mà hãy nghĩ tới gì? Nghĩ đến tam-muội, tam-muội là pháp vị. Tuy mùi vị của thức ăn chẳng ngon lành, pháp vị tốt đẹp. Quý vị thấy đó, ngay lập tức chuyển biến!

Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ. Quý vị thấy đó, chữ Tam [trong tiếng Phạn] có nghĩa là Chánh. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-saṃbodhi): Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác, [Tam Bồ Đề (Saṃbodhi) là] Chánh Giác. Tam Miệu (Samyak): Tam là Chánh, Miệu là Đẳng, [Tam Miệu Tam Bồ Đề là] Chánh Đẳng Chánh Giác. Tam-muội, Muội được dịch là Thọ. “*Chư tam-muội*”: Chuyện chánh thọ quá u là nhiều! Chánh Thọ (正受) tức là sự hưởng thụ bình thường. Trong sự hưởng thụ bình thường, chẳng có phân biệt và chấp trước; đó là bình thường. Hễ có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng bình thường. Có ưa thích, có chán ghét, thì sẽ chẳng bình thường. Đó là gì? Sanh ra phiền não. Vì thế, được thức ăn ngon, hay được

thức ăn dở tệ, đây là cảnh giới bên ngoài. Trong cảnh giới ấy, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng hề có! Phân biệt, chấp trước là tâm niệm của chúng ta. Trông thấy cảnh giới ấy, sẽ dẫn phát [tâm niệm của chúng ta] sanh khởi. Trên thực tế, chúng chẳng có, là bình đẳng. Vì vậy, Ngẫu Ích đại sư nói hay lắm: “*Cảnh duyên không tốt, xấu*”. “*Cảnh*” là cảnh giới bên ngoài, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự. “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất. Quý vị xin một chén cơm, đó là hoàn cảnh vật chất, có tốt xấu hay không? Chẳng có! Tốt hay xấu là do tâm dấy lên!

Vì sao Phật, Bồ Tát có được một bát cơm, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm? Các Ngài sanh tâm thanh tịnh, chúng ta phải học điều này từ đức Phật. Tâm thanh tịnh là tam-muội. Sáu căn của chúng ta đối ứng sáu trần, sanh khởi cái tâm chẳng phải là tâm thanh tịnh. Vì sao? Trong ấy có tình chấp. “*Tình*” (情) là thất tình, tức mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn. “*Chấp*” (執) là chấp trước. Nảy sanh tình chấp thì là phàm phu. Phàm là tình chấp, chư vị phải biết đây là cái gốc, là nhân tố của sanh tử luân hồi. Quý vị còn có tình chấp, làm sao có thể vượt thoát luân hồi cho nổi?

Hiện thời, chúng ta thấy rất nhiều nghiên cứu khoa học của ngoại quốc, nghiên cứu về tâm linh. Những báo cáo ấy hiện thời hết sức nhiều, xác thực đã chứng tỏ con người có sanh tử luân hồi, có đời trước. Đã có đời trước, đương nhiên là có đời sau, tức là có đời kế tiếp; nói chung, chẳng lìa khỏi lục đạo. Do nguyên nhân nào? Chẳng đoạn tình chấp. Họ nghiên cứu rất nhiều, chẳng hiểu đạo lý này, đó gọi là “biết chuyện đương nhiên, nhưng chẳng biết nguyên do”. Luân hồi đã được chứng minh. Vì sao có luân hồi? Luân hồi rốt cuộc là do nguyên nhân nào? Có cách nào giải thoát hay chẳng? Chẳng muốn luân hồi nữa thì có cách nào hay không? Chẳng biết, mà cũng chưa có ai nghĩ đến. Chuyện này giống hệt như Bà La Môn giáo thời cổ. Chư vị phải biết trạng huống luân hồi trong lục đạo đã được Bà La Môn nói ra trước nhất. Vì sao Bà La Môn biết? Họ tu Định, trong kinh Phật nói là Tứ Thiên Bát Định, Bà La Môn thật sự có thể đạt tới Tứ Thiên Bát Định. Khi đạt đến Tứ Thiên Bát Định, sẽ hiểu rành rẽ trạng huống trong lục đạo. Vì sao? Họ đã đột phá các chiều không gian, đích thân trông thấy, đích thân tiếp xúc, nhưng rốt cuộc vì sao [mà có trạng huống ấy], họ chẳng biết! Họ chẳng biết chuyện ngoài lục đạo, chỉ biết chuyện trong lục đạo. Trên thực tế, lục đạo là tam thiên đại thiên thế giới. Chẳng thể nói là họ không có công phu, năng lực đó khiến cho kẻ khác kinh hãi, nay chúng ta nói là “công năng đặc dị”, vẫn chưa phát hiện người nào có năng lực to lớn như thế!

Hiểu rõ lục đạo như [nhìn vào] lòng bàn tay, nhưng chẳng biết do đâu mà có [lục đạo]. Đến khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện mới giải quyết rành rẽ nghi vấn này, lục đạo vì sao mà có, phải nên vượt thoát như thế nào! Do vậy, sau khi đức Phật xuất thế, do nương theo phương pháp do đức Phật chỉ dạy để học tập, nhiều người vượt thoát lục đạo. Tiêu Thừa là A La Hán, Đại Thừa là Bồ Tát, quá ư là nhiều, đó gọi là “*căn cơ chín muồi*”. Vì sao đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, mà chẳng xuất hiện tại Trung Hoa? Xuất hiện tại Trung Hoa sẽ vô dụng, vì trình độ người Hoa chưa đạt tới cảnh giới ấy, Ấn Độ đã đạt tới. Người Ấn Độ có thể đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, người Hoa chỉ thuộc

trong nhân đạo. Chẳng có cách nào đến Đạo Lợi Thiên, chẳng có cách nào đến được. Do lẽ này, đặc biệt là đối với nhân đạo, đối với ngạ quỷ và địa ngục đạo, đều là khái niệm mơ hồ, chẳng hiểu rõ ràng như Ấn Độ! Do căn cơ nơi ấy đã chín muồi, đức Phật vừa nói, họ hiểu ngay, dạy họ đột phá bằng cách nào, họ sẽ thật sự làm được. Vì thế nói là “*căn cơ chín muồi*”, “*chín muồi*” là gì? Liễu sanh tử, thoát tam giới, chính là cơ duyên vượt thoát lục đạo luân hồi đã chín muồi. Đây gọi là “*chúng sanh căn cơ chín muồi*”.

Xác thực là có hạng người mang căn tánh Đại Thừa tại Trung Hoa, họ có thể tiếp nhận giáo huấn Đại Thừa. Giáo pháp Đại Thừa cao minh hơn giáo pháp Tiểu Thừa. Tiểu Thừa lấy [giải thoát khỏi] luân hồi trong lục đạo làm mục tiêu, Đại Thừa lấy mười pháp giới, tức là lấy vượt thoát mười pháp giới làm mục tiêu, chẳng giống nhau! Trong Đại Thừa, vượt thoát mười pháp giới nhiều nhất là pháp môn Tịnh Độ. Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm, đức Phật nói rất rõ ràng: Trong chín ngàn năm ấy, có thể giúp mọi người vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, chỉ có Tịnh Độ là thuận tiện nhất. Có phải là Tịnh Độ có “*chư tam-muội vị*” hay không? Có chứ! Tam-muội là gì? Niệm Phật tam-muội. Không chỉ là nói đến Niệm Phật tam-muội, sau đó còn có một câu nữa, “*Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội*”, phải ghi nhớ câu này! Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, cuộc sống hằng ngày sẽ rất dễ lo liệu. Gặp chuyện hài lòng vừa ý, “A Di Đà Phật”, [tức là] dùng câu A Di Đà Phật để đánh tan ý niệm ưa thích ấy. Vì sao? Đó là tình, tức tình chấp, chính là căn cội của luân hồi. Gặp chuyện chẳng ưa thích, [hãy niệm] A Di Đà Phật để xóa sạch ý niệm chẳng ưa thích ấy. Suốt ngày từ sáng đến tối gìn giữ câu A Di Đà Phật này, quý vị có thể vắng sanh Tịnh Độ.

Nhưng nhất định phải hiểu, đời này từ đầu đến cuối, nhất định là hãy coi thế gian trong hiện tiền đúng là quán trọ. Đối với những thứ trong thế gian này, chúng ta có thể hưởng thụ, có thể thọ dụng, [nhưng chúng] chẳng phải là của ta. Thứ gì cũng đều chẳng phải là của ta, chẳng mang theo được gì, thứ gì cũng đều chẳng đạt được. Giống như quý vị ở trong quán trọ, đối với những thứ gia cụ trong lữ quán cũng như vậy, quý vị có thể thọ dụng tại đó: Quý vị cũng có thể ngồi trên sofa, có thể uống nước trà, còn có người chăm sóc quý vị. Giường mềm quý vị có thể ngủ trên đó, chẳng có thứ gì là của chính mình! Quý vị có thể sử dụng tâm thái ấy đối với vạn sự vạn vật trong thế gian hiện tiền này, quý vị sẽ giải thoát, thật sự ném được tam-muội vị.

Hết thầy người, sự, vật, chẳng có thứ gì không phải là A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật thầy đều san bằng. Câu A Di Đà Phật ấy chính là Niệm Phật tam-muội. Vì thế, niệm Phật phải đắc tam-muội thì mới có thọ dụng. Chẳng đắc tam-muội, sẽ chẳng có thọ dụng. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, gặp thuận cảnh vẫn hoan hỷ, vẫn tham luyến. Gặp nghịch cảnh, vẫn bức bối, vẫn nóng giận. Niệm Phật kiểu ấy, đời sau vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Sai mất rồi! Nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ chân tướng sự thật này. Vì thế, niệm Phật thành Phật thì là “*biết niệm*”. Biết niệm, câu A Di Đà Phật sẽ là Chánh Thọ của ta, tức sự hưởng thụ bình thường! Trong ấy, chẳng có thất tình, ngũ dục, chẳng có tình chấp thì mới là Chánh Thọ. Đạt được điều này, trong pháp môn

Niệm Phật gọi là “*công phu thành phiền*”. Chẳng phải là cảnh giới ấy, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần vẫn khởi tâm động niệm, quý vị chẳng đắc công phu thành phiền! Người đắc công phu thành phiền sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nắm chắc vãng sanh.

Do vậy, các đồng học! Nếu quý vị thật sự mong vãng sanh, thật sự mong thành tựu trong đời này, thành tựu ấy là thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, quý vị chẳng thể không buông xuống! Nhất là trong xã hội hiện thời, kể từ khi có lịch sử tới nay, chưa từng hỗn loạn như vậy. Sống trong xã hội này, xác thực là quý vị phải ý thức sanh mạng [tồn tại] trong hơi thở, đừng nghĩ là còn có thể sống bao nhiêu năm! Nghĩ kiểu đó, quý vị đã sai mất rồi! Ta sống một ngày là có được thọ mạng một ngày; ngày mai lại sống một ngày, lại có được thọ mạng một ngày nữa. Quý vị phải thường quán như thế. Được thọ mạng để làm gì? Tích lũy công đức, chuyện này là thật, vì sao? Có thể mang theo được, đoạn ác tu thiện là đúng. Đoạn ác, hết thấy ác niệm, ác hạnh đều buông xuống, đối với chuyện lợi ích hết thấy chúng sanh, nhất là làm nhiều chuyện nhằm giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Đây là chuyện tốt, đây là công đức, mang theo được! Tuy chúng ta chẳng cần phước báo nhân thiên, nhưng do loại công đức ấy, khi vãng sanh, nó sẽ giúp cho quý vị tăng cao phẩm vị vãng sanh. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng có ba bậc, chín phẩm, giúp đỡ quý vị tăng cao phẩm vị. Làm chuyện này là đúng, làm những chuyện khác thì sai mất rồi. Vì thế, người hiểu rõ sẽ toàn tâm toàn lực, chẳng làm chuyện khác, mà chuyên môn làm chuyện này.

Đối với chính mình thì tu tâm thanh tịnh, tức là phải đắc Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là tâm thanh tịnh. Niệm Phật tam-muội có cạn hay sâu khác nhau. Do vậy, nói theo Tịnh Độ thì “*công phu thành phiền*” là cạn, Sự nhất tâm bất loạn là bậc trung. Lý nhất tâm bất loạn là sâu nhất. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo khác nhau. Sự nhất tâm bất loạn sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, Lý nhất tâm bất loạn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác nhau! Cao thì nói thật ra, chúng ta chẳng làm được, thật sự chẳng làm được, chẳng phải là giả làm không được. Pháp môn Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, vì sao? Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, bốn cõi ở cùng một chỗ. Vì thế, hễ sanh về một, sẽ sanh về tất cả. Chúng ta sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hễ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị sẽ cùng Bồ Tát trong cõi Phương Tiện, Bồ Tát trong cõi Thật Báo, và chư Phật trong cõi Tịch Quang hằng ngày ở cùng một nơi, giống như nói “*hễ sanh về một cõi, đều sanh về hết thấy*”. Các thế giới phương khác chẳng có chuyện này! Như thế giới Sa Bà của chúng ta, đây là báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Có bốn cõi hay không? Có chứ, nhưng bốn cõi không ở cùng một nơi, tức là chẳng cùng thuộc vào một chiều không gian. Giống như TV, chẳng phải là có một băng tần, mà là có các băng tần khác nhau. Do vậy, chúng ta thấy trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư toàn là phàm nhân, chẳng thấy thánh nhân. Nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy có ba bậc, bốn cõi, các “băng tần” đều giống nhau, chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật đã bảo chúng ta, chẳng phải là một vị Phật, mà mười phương hết thấy chư Phật đều dạy chúng ta, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà đều nói rất rõ ràng! Thế giới Tây Phương thù thắng là do thù

thắng ở chỗ này. Chúng ta chẳng so đo phẩm vị vãng sanh cao thấp, cũng chẳng so đo sanh vào cõi nào, chẳng cần thiết, hễ sanh về một bèn sanh vào hết thấy. Như vậy thì chúng ta rất dễ buông xuống phân biệt, chấp trước, chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước nữa.

Chỉ cần có thể vãng sanh thì sẽ thành Phật ngay trong một đời. Do đó, cô đức đã gọi pháp môn này [đúng như] trước đây, thầy Lý luôn nhắc nhở chúng tôi là “*pháp môn thành tựu ngay trong một đời*”. “*Thành tựu*” ở đây là “*làm Phật*”. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lợi ích lớn nhất là vô lượng thọ. Thông thường, kinh Đại Thừa thường nói Bồ Tát tu hành thành Phật phải mất thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Thọ mạng của quý vị là vô lượng thọ, ba đại A-tăng-kỳ kiếp đối với quý vị, thời gian quá ngắn. Nếu như [sánh ví “vô lượng thọ” với tuổi thọ của chúng ta trong thế giới Sa Bà này để nói] thì [vô lượng thọ giống như] là bảy, tám chục năm, để tu hành thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba tháng! Ba tháng quá dễ dàng. Quý vị đến thế giới Tây Phương là vô lượng thọ, ba đại A-tăng-kỳ kiếp giống như ba tháng, quý vị nói xem, quý vị tự tại cõi nào!

Nếu sơ sê, bỏ mất cơ duyên này, chẳng biết lần sau gặp gỡ là đến kiếp nào. Vì thế nói là “*Phật pháp khó nghe*”, nhất là pháp môn Tịnh Độ, khó nhất trong những điều khó. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói chuyện này rất nhiều, bao nhiêu Bồ Tát mong nghe pháp môn này mà chẳng có cơ hội ấy. Nay cơ hội này của chúng ta dường như rất dễ dàng, nếu sau khi quý vị đã thật sự khế nhập kinh giáo rất sâu, mới biết quá ư khó khăn. Vì thế, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, trong đời này, chúng ta gặp gỡ pháp môn này chính là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Bài kệ Khai Kinh nói là “*trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, nay chúng ta đã gặp. Bài kệ Khai Kinh chính là nói đến kinh Hoa Nghiêm, pháp môn Tịnh Tông ở ngay trong phần cuối của kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Bài Kệ Khai Kinh nói pháp môn Tịnh Độ trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ. Chúng ta gặp pháp môn này, bị thua thiệt là không chịu buông xuống, vậy là trong đời này đã ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ pháp môn này, làm lần đặc biệt to tát. Vì sao chẳng buông xuống? Vì sao không bỏ sạch sành sanh? Bỏ sạch sành sanh, quý vị sẽ đạt được viên mãn.

Do vậy, thuật ngữ này của nhà Phật chính là trí huệ ở bậc cao, trí huệ cực cao, thuật ngữ ấy chính là “*xả đắc*”. Quý vị thấy đó, xả là nhân, đắc là quả. Hết thấy đều xả, sẽ đắc gì? Đắc trí huệ viên mãn và đức tướng viên mãn trong tự tánh. “*Xả*” là bỏ sạch vọng, “*đắc*” là thật sự khôi phục. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, sau khi quý vị bỏ sạch, sẽ trở về chỗ không có gì để đạt được! Vì sao chẳng có gì để đạt được? Thấy đều là những thứ vốn sẵn có trong tự tánh, ngoài tự tánh thì thứ gì cũng chẳng có. Vì thế, khi chứng nhập “*không có gì để đạt được*”, sẽ chẳng có pháp ngoài tâm để đạt được. Pháp ngoài tâm toàn là hư vọng, tự tánh trọn đủ trí huệ và đức năng hoàn toàn hiện tiền.

Vì thế, hãy tính toán kỹ càng chuyện này, hãy suy nghĩ, chúng ta vẫn nên sớm có ngày minh tâm kiến tánh, hay là sống hồ đồ cả một đời? Nếu mong minh tâm kiến tánh sớm hơn một ngày, hãy sớm xả trừ một ngày, xả trừ sạch sành sanh.



Khi ấy, trí huệ vẫn chưa khai, có một diệu pháp để có thể đột phá cửa trí huệ, phương pháp gì vậy? Kiên thành cung kính lễ Phật. Quý vị xem bộ Ảnh Trần Hồi Ưc Lục là tự truyện của lão pháp sư Đàm Hư, do Ngài đích thân kể lại, do chính Ngài nói, pháp sư Đại Quang ghi lại. Năm xưa, tôi giảng kinh tại Hương Cảng, những vị pháp sư ấy đều là bạn bè lâu năm của tôi. Mỗi lần tôi đến Hương Cảng, sư Đại Quang đều mời tôi dùng cơm. Sư lớn tuổi hơn tôi, lớn hơn khoảng sáu, bảy tuổi. Hiện thời, Sư đã mất rồi, lúc mất cũng phải là đã tám mươi tuổi. Khá nhiều vị lão pháp sư đều là bạn bè lâu năm.

Trong Ảnh Trần Hồi Ưc Lục có chép một câu chuyện, đây là chuyện thật, do lão hòa thượng Đệ Nhân đã kể. Ai đã từng đọc quyển sách ấy, hẳn tôi nhắc đến sẽ biết ngay, chuyện vị pháp sư phơi nển. Nhất thời, tôi chẳng nhớ đến tên tuổi [vị sư ấy], Sư phơi nển. Vì sao gọi là “phơi nển”? Mùa Hè, trời rất nóng, nắng rất gắt, vị pháp sư này rất thật thà, các pháp sư khác bèn trêu ghẹo, nói với Sư, Sư làm vị thầy trông coi hương đăng, “nến sẽ nổi mốc, hãy khuân ra ngoài phơi phóng”. Sư thật sự nghe theo, khuân hết nến ra ngoài. A! Giữa trưa dọn nến ra phơi nắng. Đến chiều, nến chảy tan hết. Sư thấy tình hình ấy, biết làm thế nào đây? Khi tụng kinh buổi tối phải thắp nến, Sư cầm những thứ ấy lên khóa lễ buổi tối. Lão hòa thượng trông thấy, [hỏi]: “Sao lại có chuyện thế này?” Vì thế, mới biết là người khác nói đùa với Sư.

Lão hòa thượng nghĩ người này thật thà như thế, ngay cả kiến thức thông thường như vậy cũng chẳng có, bèn bảo người đó: “Được rồi, thầy không cần làm hương đăng nữa”, bảo vị ấy làm gì? “Thầy hãy đến chùa A Dục Vương”. Trong chùa A Dục Vương có thờ xá-lợi của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lão hòa thượng bảo Sư: “Thầy hãy đến lạy xá lợi, mỗi ngày lễ ba ngàn lạy. Vì thế, người ấy làm theo, thật thà, biết nghe lời. Lão hòa thượng bảo vị ấy lạy, vị ấy thật thà lạy. Ba năm sau, vị ấy khai ngộ, tuy chẳng biết chữ. Ba năm sau, Sư có thể làm kệ, có thể làm thơ, có thể giảng kinh. Vì thế, cung kính lạy Phật chính là lạy ra trí huệ. Quý vị thấy vị ấy thật sự buông xuống. Nói cách khác, chướng ngại của vị ấy đã chẳng còn, hãy còn có đôi chút sẽ chưa thể đột phá. Mỗi ngày lễ ba ngàn lạy, ba năm đã đột phá, thật vậy, chẳng giả. Về sau, vị ấy trở thành pháp sư giảng kinh. Trí huệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, hết thấy các kinh giáo đều chẳng có chướng ngại. Mở kinh giáo ra, từng câu từng chữ đều bao hàm vô lượng nghĩa, vị ấy chưa từng học kinh giáo, mà cũng chưa từng học văn học. Trong Phật pháp, gọi là “*công án*”, nói thông thường theo kiểu của chúng ta sẽ là “*cổ sự*” (câu chuyện), chúng ta thấy nghe những câu chuyện chân thật ấy, sẽ đều có thể giúp chúng ta giác ngộ.

Chúng ta hãy suy ngẫm, so với vị Sư ấy, chúng ta ưu việt hơn vị ấy chỗ nào? Chỗ nào chẳng bằng vị ấy? Hãy nghĩ ngợi cho nhiều, thấy người hiền mong được bằng! Những người ấy chẳng có chi khác, họ đạt được “*tam-muội vị*”. Nếu nói theo cách thông thường hiện thời, tam-muội vị chính là định huệ vị. Họ đã đắc Định Huệ, Định Huệ chắc chắn nói theo giới luật. Lão hòa thượng dạy vị ấy mỗi ngày lễ ba ngàn lạy là giới luật, Sư thật sự nghe lời, thực hiện hằng ngày, coi đó là công khóa. Sư cũng chẳng có khóa sáng, khóa tối chi cả, hằng ngày cứ lễ ba ngàn lạy. Lúc tôi mới học Phật, còn là cư sĩ tại gia, xin thôi việc, theo pháp sư

Sám Vân sống trong lều tranh. Pháp sư Sám Vân dạy tôi, công khóa sáng tối hằng ngày của chúng ta là Tam Quy, bèn niệm Tam Quy, công khóa của chính mình là lễ Phật. Khi ấy, pháp sư Sám Vân quy định tôi mỗi ngày lễ tám trăm lạy vì còn có công việc, những chuyện lặt vặt trong thường trụ đều do tôi làm. Tôi đã lạy nửa năm, trong năm tháng rười đã lạy mười mấy vạn lạy. Vị sư phôi nển mỗi ngày lễ ba ngàn lạy, chẳng có vấn đề, có thể lạy được. Khi ấy, tôi ở trên núi, pháp sư Đạt Tông mỗi ngày lễ một ngàn hai trăm lạy, tâm Sư bèn định, định sanh huệ, huệ chính là tam-muội, Sư thật sự đạt được. A! Chúng ta học bài kệ này đến đây.

**Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh**

**Phẩm thứ mười một**

**Tịnh Hạnh Phẩm**

**Phần 51 hết**